

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP

TRUONG THANH ENERGY GROUP

JOINT STOCK COMPANY

Số: 89/2026/CV-TEG

No: 89/2026/CV-TEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Hanoi, 28th August, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: - The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group
Organization name: Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: TEG
Stock code: TEG
- Địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: Floor 4, Sun Grand City Ancora Residence building, No. 03 Luong Yen street, Hai Ba Trung ward, Hanoi city, Vietnam.
- Điện thoại/Telephone: (024) 35.599.599 Fax: (024) 38.398.974
- E-mail: vp@ttvngroup.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Content of disclosed information:
Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2026.
Separate financial report for the first 6 months of 2026.
Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026.
Consolidated financial statements for the first 6 months of 2026.
Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025.



Explanation of the Difference in Profit After Tax in the Separate Financial Statements for the First Six Months of 2026 Compared to the Same Period 2025.

Giải trình chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2026.

Explanation of the Variance in Profit After Tax Before and After Audit and Retrospective Adjustment of Opening Balances in the Separate Financial Statements for the First Six Months of 2026.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Explanation of the difference in profit after tax on the Consolidated Financial Statements for the first six months of 2026 compared to the same period of 2025.

Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước – sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ.

Explanation of the difference in profit after tax for the first six months of 2026 on the Consolidated Financial Statements before – after audit and retrospective adjustment to the opening figures.

Giải trình thay đổi từ lỗ thành lãi kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước và sau kiểm toán

Explanation of the Change from Loss to Profit in the First Six Months of 2026 between the Consolidated Financial Statements Before and After Audit.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://tteg.vn>.

This information was published on the Company's website on August 28, 2026, at the following link: <https://tteg.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm

Attached Documents

- Các tài liệu liên quan đến nội dung CBTT.

Documents Related to the Content of Information Disclosure.

Đại diện tổ chức

Representative of the Organization

Người đại diện theo pháp luật

Legal Representative



CHỦ TỊCH HĐQT
Dặng Trung Kiên



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	13 - 53

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105167260, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) chấp nhận thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 25 lần. Trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 25 ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc thay đổi tên Công ty và ngành nghề kinh doanh chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0242 242 5995

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) trong kỳ là: vận hành, bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời; giám sát thi công xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn; sản xuất và kinh doanh điện; và đầu tư tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch kiêm Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Bích Thuý	Trưởng ban
Bà Lê Thuý Linh	Thành viên
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Mạnh Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này là Ông Đặng Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Đặng Trung Kiên đã ủy quyền cho Ông Hoàng Mạnh Huy – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-TEG ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

Số: 2.0613/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó trình bày việc Tập đoàn đã điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2026. Kết luận soát xét của chúng tôi không thay đổi do vấn đề này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		990.304.896.502	867.445.273.579
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.683.467.936	7.575.088.986
1. Tiền	111		3.683.467.936	4.825.088.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		280.190.122.094	189.902.330.752
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	280.190.122.094	189.902.330.752
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		587.514.928.920	547.257.307.916
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	361.297.630.278	360.430.404.396
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	144.188.940.449	95.936.772.458
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	82.048.358.193	90.910.131.062
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(20.000.000)	(20.000.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		115.064.885.110	107.106.382.009
1. Hàng tồn kho	141	V.6	115.064.885.110	107.106.382.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.851.492.442	15.604.163.916
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		37.571.838	227.735.122
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1.700.529.508	13.105.074.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	-	158.668.235
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.8	2.113.391.096	2.112.686.301

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		858.217.102.467	963.182.968.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.001.550.000	30.401.450.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	30.001.550.000	30.401.450.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.530.856.070	75.600.314.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.530.856.070	75.600.314.945
- Nguyên giá	222		9.326.667.602	105.022.463.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.795.811.532)	(29.422.148.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		203.618.134.885	193.862.311.673
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	203.618.134.885	193.862.311.673
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		612.711.717.072	661.099.060.499
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	161.872.505.192	212.515.848.619
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	476.816.605.901	474.560.605.901
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2c	(25.977.394.021)	(25.977.394.021)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		6.354.844.440	2.219.831.456
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	5.881.346.763	1.847.667.112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.17a	473.497.677	372.164.344
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.848.521.998.969	1.830.628.242.152

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		381.537.700.793	342.680.934.799
I. Nợ ngắn hạn	310		215.910.765.830	167.352.028.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.830.802.928	5.791.613.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	113.811.559.306	54.530.796.167
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	6.089.249.213	5.217.698.840
5. Phải trả người lao động	315		1.178.187.438	1.012.009.028
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	12.560.535.111	11.639.842.848
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	2.307.318.320	2.265.230.628
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16a	74.133.113.514	86.894.838.154
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		165.626.934.963	175.328.906.023
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16b	164.975.872.842	174.430.234.560
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.17b	651.062.121	898.671.463
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

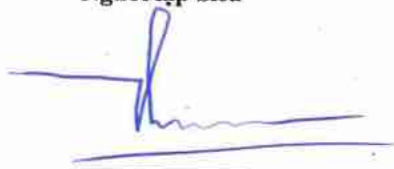
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	1.466.984.298.176	1.487.947.307.353
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.208.065.620.000	1.208.065.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		3.467.545.239	3.467.545.239
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		134.981.670.289	126.767.016.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		126.767.016.513	126.767.016.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		8.214.653.776	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		120.469.462.648	149.647.125.601
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.848.521.998.969	1.830.628.242.152

Người lập biểu


Bùi Thanh Thanh Hiền

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoa Vy

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026.

TỔNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

**Hoàng Mạnh Huy**

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.225.090.903	24.885.241.768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.225.090.903	24.885.241.768
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.782.872.498	15.961.959.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.442.218.405	8.923.281.896
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	17.480.014.782	10.174.994.844
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1.598.757.895	6.784.717.511
Trong đó: chi phí đi vay	24		1.598.757.895	3.120.592.251
9. Chi phí bán hàng	25		-	5.231.481
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.612.932.170	10.079.682.906
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		(40.776.403)	(37.491.701)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.669.766.719	2.191.153.141
13. Thu nhập khác	31	VI.6	280.909.091	5.190.421.834
14. Chi phí khác	32		43.299.137	598.558.789
15. Lợi nhuận khác	40		237.609.954	4.591.863.045
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.907.376.673	6.783.016.186
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.772.475.714	1.168.846.751
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17c	(348.942.675)	(251.113.501)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.483.843.634	5.865.282.936
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.214.653.776	3.762.649.105
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.269.189.858	2.102.633.831
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	68	31
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	68	31

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUO Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa Vy

Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.907.376.673	6.783.016.186
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8	2.413.335.354	4.443.429.184
- Các khoản dự phòng	03		-	2.348.173.355
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(48.079.013)	1.315.808.685
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(17.672.068.457)	(10.137.359.923)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	1.598.757.895	3.120.592.251
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		199.322.452	7.873.659.738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34.246.271.538)	(7.046.098.440)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.958.503.101)	(202.450.805)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		58.569.661.616	17.892.126.368
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.932.536.508)	593.161.767
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(762.436.348)	(1.320.076.025)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.733.569.908)	(1.505.978.725)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.135.666.665	16.284.343.878
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.925.659.902)	(33.488.952.833)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		280.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.900.000.000)	(25.370.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.617.000.000	186.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.256.000.000)	1.032.336.681
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		55.636.625.942	25.452.999.982
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		354.863.133	2.304.214.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.192.261.736)	(29.883.401.518)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.401.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	9.007.581.065	29.266.274.871
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(15.842.607.044)	(15.322.879.820)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.835.025.979)	16.344.395.051
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.891.621.050)	2.745.337.411
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.575.088.986	2.943.829.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	143.220
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.683.467.936	5.689.310.370

Người lập biểu



Bùi Thanh Thanh Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vy

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUO Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là đầu tư, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn trong kỳ bao gồm: kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn; sản xuất và kinh doanh điện; và đầu tư tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ và sản xuất điện, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường bắt đầu từ thời điểm thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư dự án, bao gồm xin chấp thuận đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thiện sản phẩm để chuyển nhượng. Theo đó, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Tập đoàn thường kéo dài từ trên 12 tháng đến khoảng 36 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Trong tháng 5 năm 2026, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại hai công ty con cấp 2 là Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh (“Sen Xanh”) và Công ty Cổ phần Công nghệ Xanh Trường Thành Miền Trung (“TTMT”). Kể từ thời điểm hoàn tất việc chuyển nhượng, Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Sen Xanh và TTMT, đồng thời mất quyền kiểm soát đối với các công ty con cấp 3 do hai công ty này sở hữu. Theo đó, Tập đoàn chấm dứt hợp nhất các công ty nêu trên vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mất quyền kiểm soát.

Tại ngày mất quyền kiểm soát, giá trị tài sản và nợ phải trả của Sen Xanh và TTMT (bao gồm các công ty con cấp 3 do hai công ty này sở hữu) như sau:

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Tài sản	43.184.371.825	33.934.921.992	77.119.293.817
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.791.625	904.701.813	1.248.493.438
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	384.000.000	1.700.000.000	2.084.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	895.949.214	820.497.342	1.716.446.556
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	58.579.290	29.973.514	88.552.804
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.195.295.700	1.433.711.226	3.629.006.926
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	158.668.235		158.668.235
Phải thu dài hạn khác	400.000.000		400.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Nguyên giá - Tài sản cố định hữu hình	53.846.545.452	40.568.250.454	94.414.795.906
Giá trị hao mòn lũy kế - Tài sản cố định hữu hình	(15.098.837.380)	(11.522.300.005)	(26.621.137.385)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	379.689	87.648	467.337
Nợ phải trả	9.380.091.695	6.292.624.598	15.672.716.293
Phải trả người bán ngắn hạn	324.720.000	1.999.000	326.719.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	40.728.054	44.328.860	85.056.914
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.846.173.836	4.376.647.260	10.222.821.096
Tài sản thuần	33.804.280.130	27.642.297.394	61.446.577.524
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	16.902.127.088	13.544.725.723	30.446.852.811
Tài sản thuần của Tập đoàn	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng mà Tập đoàn đang sở hữu	100%	100%	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713

Lãi liên quan đến thoái vốn tại các công ty con như sau:

	Sen Xanh	TTMT	Cộng
Giá chuyển nhượng	18.590.111.728	15.708.961.303	34.299.073.031
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	16.902.153.042	14.097.571.671	30.999.724.713
Lãi thoái vốn (xem Thuyết minh VI.3)	1.687.958.686	1.611.389.632	3.299.348.318

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại các công ty con:

Thu bằng tiền	32.584.119.380
Tiền và các khoản tương đương tiền tại các công ty con tại ngày chuyển nhượng	(1.248.493.438)
Tiền thu thuần	31.335.625.942

Cam kết góp vốn thành lập Công ty con

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2024/NQ-HDQT/TEG ngày 31 tháng 10 năm 2024, Tập đoàn tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP (“GIP”), với tổng vốn điều lệ của GIP là 5.000.000.000 VND, tương ứng 500.000 cổ phần. Trong đó:

Tên công ty góp vốn	Số vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Số đã góp tại 30/06/2026	Số còn phải góp
Công ty mẹ	2.525.000.000	50,5%	50.500.000	2.474.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành	25.000.000	0,5%	500.000	24.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (“TTP”)	Tầng 4 Tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, Số 3 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	Công ty hoạt động bình thường. Lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động đầu tư.	92,11%	92,11%	92,11%	92,11%
Công ty TNHH Onsen Hội Vân (“Onsen HV”)	Thôn Hội Vân, Xã Hòa Hội, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là đầu tư xây dựng cơ bản.	65,75%	65,75%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối Điện Trường Thành GIP	Tầng 1, Lô DVCC1-1, Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Green IP-1), Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Công ty mới thành lập, chưa phát sinh doanh thu	2,04%	2,04%	51,00%	51,00%
Công ty con cấp 2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)						
Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (“TTP Trà Vinh”)	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là tiếp tục đầu tư dự án	94,98%	94,98%	99,00%	99,00%

Danh sách các Công ty con ngừng hợp nhất trong kỳ (hợp nhất đến ngày 31 tháng 05 năm 2026)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con cấp 2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành)						
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	-	46,98%	-	51,00%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh	Số nhà 220, đường Lê Đại Hành, tổ 11, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư tài chính	-	46,06%	-	50,000 0384%
Công ty con cấp 3						
Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành Miền Trung						
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 1	Số 108, đường Hàm Nghi, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 2	Số 396 đường Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Nhon Tân 5	Lô 32 Hoàng Văn Thái, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,98%	-	100%
Công ty con của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh						

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Aquila	Nhà số 6 đường 4A, Khu An Phú An Khánh, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Lyra	154/30/16 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vega	22 đường số 63, Khu phố 1, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Sen Xanh Vela	87/42/8 Đường 27, Phường An Nhơn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất điện	-	46,06%	-	100%

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động trong kỳ	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Căn hộ PG1-10, khu nhà phố Vincom, khóm 3, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Hoạt động chủ yếu trong kỳ là đầu tư dự án và tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện dự án.	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (Công ty liên kết đến ngày 30/6/2026)	Số nhà 645/9/15, đường Quang Trung, phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Hoạt động chính trong kỳ là tiếp tục đầu tư dự án bất động sản	-	30,125%	-	30,125%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 66 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 61 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán "TEG" theo Quyết định số 497/QĐ-SGDHCM ngày 28/12/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09/03/2018. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc của kỳ kế toán là 120.806.562 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn liên quan đến phải thu chuyển nhượng cổ phần: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản mà Tập đoàn làm chủ đầu tư. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư dự án và các chi phí đủ điều kiện được vốn hóa vào giá trị của dự án.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là Chi phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay ngân hàng để thanh toán tiền mua bất động sản, với thời gian hỗ trợ dao động từ 18 tháng đến 24 tháng, và được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán khi căn hộ được bàn giao và ghi nhận doanh thu.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 120 tháng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Tập đoàn là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC mà Tập đoàn tham gia chỉ bao gồm BCC không đồng kiểm soát, trong đó, Tập đoàn là bên góp vốn và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Khoản góp vốn BCC này được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính và được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Lợi nhuận được chia từ BCC được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn có quyền nhận. Dự phòng tổn thất (nếu có) được trích lập theo quy định về dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh số IV.3).

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống; các khoản nhận hỗ trợ từ Nhà nước hoặc các bên khác liên quan đến tài sản hoặc thu nhập và có kèm theo điều kiện...

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tập đoàn chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia với đơn giá được quy định tại các Hợp đồng kinh tế ký kết với các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết của các cổ đông này;
- Các công ty liên kết của Tập đoàn;
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.972.146	23.572.146
Tiền gửi không kỳ hạn	3.677.495.790	4.801.516.840
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.575.904.009	3.143.252.323
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	1.072.380.762
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.555.525	506.184.163
- Các ngân hàng, tổ chức khác	33.036.256	79.699.592
Các khoản tương đương tiền	-	2.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	2.750.000.000
Cộng	3.683.467.936	7.575.088.986

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.084.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	2.084.000.000	-
Cho vay các bên liên quan	103.904.284.928	-	15.869.082.188	-
Bà Đặng Thị Phương Hoa	16.036.838.352	-	15.869.082.188	-
- Gốc	14.875.000.000	-	15.270.000.000	-
- Lãi	1.161.838.352	-	599.082.188	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	51.528.219.178	-	-	-
- Gốc	51.500.000.000	-	-	-
- Lãi	28.219.178	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	36.339.227.398	-	-	-
- Gốc	36.100.000.000	-	-	-
- Lãi	239.227.398	-	-	-
Cho vay các tổ chức, cá nhân khác	176.285.837.166	-	171.949.248.564	-
Ông Dương Anh Nam	20.257.589.041	-	19.364.000.000	-
- Gốc	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
- Lãi	2.257.589.041	-	1.364.000.000	-
Ông Lê Vũ Dũng	18.144.202.741	-	17.300.693.151	-
- Gốc	17.010.000.000	-	17.010.000.000	-
- Lãi	1.134.202.741	-	290.693.151	-
Ông Vũ Bảo Long	47.942.953.973	-	45.961.871.781	-
- Gốc	39.950.000.000	-	39.950.000.000	-
- Lãi	7.992.953.973	-	6.011.871.781	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	37.340.111.780	-	35.678.315.068	-
- Gốc	32.740.000.000	-	32.740.000.000	-
- Lãi	4.600.111.780	-	2.938.315.068	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long	52.600.979.631	-	53.644.368.564	-
- Gốc	39.178.000.000	-	42.600.000.000	-
- Lãi	13.422.979.631	-	11.044.368.564	-
Cộng	280.190.122.094	-	189.902.330.752	-

Thông tin bổ sung về các khoản cho vay như sau:

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo/ bảo lãnh
Bà Đặng Thị Phương Hoa	Hợp đồng ngày 26/12/2023, mục đích để đầu tư	12 tháng, được tái tục đến ngày 05/07/2027	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Hợp đồng ngày 21/05/2026, mục đích	12 tháng, đến hạn ngày 20/05/2027	6%	Không có tài sản đảm bảo

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên vay	Hợp đồng/Mục đích	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo/ bảo lãnh
	bổ sung vốn kinh doanh của bên vay			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Hợp đồng ngày 04/06/2026, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	12 tháng, đến hạn ngày 04/06/2027	14%	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Hợp đồng ngày 29/06/2026, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	12 tháng, đến hạn ngày 29/06/2027	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Ông Dương Anh Nam	Hợp đồng ngày 06/03/2024, mục đích để đầu tư	12 tháng, được tái tục đến ngày 06/3/2027	8% -12%	1.800.000 cổ phần thuộc sở hữu của ông Trần Kim Tuyền tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Nam Minh
Ông Lê Vũ Dũng	Hợp đồng ngày 27/10/2025, mục đích để đầu tư	01 năm, đến hạn ngày 27/10/2026	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Ông Vũ Bảo Long	Hợp đồng ngày 27/05/2024, mục đích để đầu tư	6 tháng; được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 30/11/2026	10%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Việt Mỹ	Hợp đồng ngày 02/01/2025, mục đích để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Bên vay	1 năm và được tái tục trong vòng 12 tháng cho đến ngày 03/01/2027	10% - 12%	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Dương Thăng Long (thành viên góp vốn của Onsen Hội Vân)	Hợp đồng ngày 08/12/2021, mục đích bổ sung vốn kinh doanh của bên vay	3 tháng kể từ ngày giải ngân, được tiếp tục tái tục khi đến hạn trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu vay và cho vay	12%	Bảo lãnh bằng toàn bộ phần vốn góp của Bên vay tại Bên cho vay (Onsen Hội Vân), tương đương 60 tỷ VND; và 5.000.000 cổ phần của Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn) tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

Tập đoàn đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay trên cơ sở khả năng thanh toán của bên vay, thời hạn thu hồi và các tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh có liên quan.

Dự phòng cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tập đoàn đánh giá các khoản cho vay này có khả năng thu hồi đầy đủ và không phải trích lập dự phòng tổn thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
<i>Số cuối kỳ</i>			
Giá gốc	162.000.000.000	-	162.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(127.494.808)	-	(127.494.808)
Cộng	161.872.505.192	-	161.872.505.192
<i>Số đầu năm</i>			
Giá gốc	162.000.000.000	39.652.700.000	201.652.700.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(127.494.808)	10.990.643.427	10.863.148.619
Cộng	161.872.505.192	50.643.343.427	212.515.848.619

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	16.200.000	36,00%	16.200.000	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (*)	-	-	2.410.000	30,125%

(*) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2026/NĐ-HĐQT ngày 26 tháng 06 năm 2026, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 2.410.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành (sau đây gọi tắt là “cổ phần 108 Trường Thành”) cho Ông Đỗ Văn Quang với giá chuyển nhượng 55.791.500.000 VND (23.150 VND/cổ phần), lãi 5.188.932.976 VND (Thuyết minh VI.3). Sau khi thực hiện giao dịch này, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần 108 Trường Thành. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần sang cho người mua.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải (*)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Cộng
Số đầu năm	161.872.505.192	50.643.343.427	212.515.848.619
Phần lãi/(lỗ) trong kỳ	-	(40.776.403)	(40.776.403)
Giá trị phần chuyển nhượng trong kỳ	-	(50.602.567.024)	(50.602.567.024)
Số cuối kỳ	161.872.505.192	-	161.872.505.192

(*) Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giao dịch với công ty liên kết

Xem Thuyết minh VIII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	40.249.990.000	(8.970.520.247)	40.249.990.000	(8.970.520.247)
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	73.621.035.901	-	73.621.035.901	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	300.689.580.000	(17.006.873.774)	300.689.580.000	(17.006.873.774)
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	47.256.000.000	-	45.000.000.000	-
Cộng	476.816.605.901	(25.977.394.021)	474.560.605.901	(25.977.394.021)

Chi tiết số lượng cổ phần do Tập đoàn sở hữu và tỷ lệ sở hữu tương ứng như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding	4.024.999	19,99%	4.024.999	19,99%
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	5.765.599	4,99%	5.765.599	4,99%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	1.500.000	15,00%	1.500.000	15,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh	15.034.479	19,99%	15.034.479	19,99%
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà (*)	47,256 tỷ VND		45 tỷ VND	

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/12/2025 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà ("Duyên Trà"), Công ty mẹ cam kết góp 90.000.000.000 VND để cùng phát triển Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3 mở rộng) tại xã Đông Hải, tỉnh Vĩnh Long, thời hạn hợp tác 05 năm. Khoản hợp tác được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam. BCC do Duyên Trà quản lý, điều hành; Công ty mẹ không có quyền đồng kiểm soát và được hưởng lợi ích theo lợi nhuận sau thuế của BCC. Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ vào dự án sẽ được các bên thống nhất sau khi tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, BCC này đang trong giai đoạn khảo sát, nghiên cứu, chưa triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giá trị có thể thu hồi

Tập đoàn chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Tình hình hoạt động của các công ty mà Tập đoàn đang đầu tư

Ngoài Công ty Cổ phần TTP Phú Yên và Công ty Cổ phần Điện Gió Trường Thành Trà Vinh có hoạt động kinh doanh bình thường với hoạt động chính trong kỳ là sản xuất và bán điện, các đơn vị còn lại đều đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có kết quả sản xuất kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	25.977.394.021	7.245.651.761
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.348.173.355
Số cuối kỳ	25.977.394.021	9.593.825.116

Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding không lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Do đó, Tập đoàn chưa có đầy đủ thông tin để ước tính khoản dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi Tập đoàn có đầy đủ thông tin.

Cam kết góp vốn

	Tổng vốn cam kết góp	Số còn phải góp tại 30/06/2026	Ghi chú
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phân phối điện Trường Thành GIP	2.525.000.000	2.474.500.000	Góp theo tiến độ huy động của GIP
BCC với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Duyên Trà	90.000.000.000	42.744.000.000	Góp theo tiến độ Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan về hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	10.646.615.609	-	8.297.164.619	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	5.452.291.892	-	5.452.291.892	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	-	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	5.089.745.455	-	2.544.872.727	-
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	104.578.262	-	-	-
Phải thu bên liên quan về chuyển nhượng cổ phần	11.200.000.000	-	45.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱ⁾	-	-	34.600.000.000	-
Ông Lê Hoàng Bảo ⁽ⁱⁱ⁾	11.200.000.000	-	11.200.000.000	-
Phải thu các khách hàng khác về chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱⁱ⁾	339.451.014.669	-	305.145.561.018	-
Ông Phạm Tiến Quân	26.712.000.018	-	29.187.000.018	-
Ông Lê Quốc Cường	14.104.000.000	-	16.210.000.000	-
Ông Cao Trương Công Bắc	117.883.036.000	-	117.883.036.000	-
Ông Dương Đình Tâm	37.203.300.000	-	37.203.300.000	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	59.112.225.000	-	59.112.225.000	-
Ông Nguyễn Tùng Lâm	45.550.000.000	-	45.550.000.000	-
Ông Đỗ Văn Quang	37.171.500.000	-	-	-
Các khách hàng khác	1.714.953.651	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	-	-	1.187.678.759	-
Cộng	361.297.630.278	-	360.430.404.396	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Phải thu theo Hợp đồng ngày 30/12/2025 về việc chuyển nhượng cổ phần 108 Trường Thành. Trong kỳ, Trường Thành Land đã thanh toán thêm cho Tập đoàn 1.100.000.000 VND, phần còn lại được hai bên thống nhất chuyển thành khoản cho vay từ ngày 29/6/2026 (xem thuyết minh V.2a).
- (ii) Các khoản phải thu cá nhân về chuyển nhượng cổ phần, chi tiết như sau:

Tên cá nhân	Ngày hợp đồng chuyển nhượng	Loại cổ phần chuyển nhượng	Thời hạn thanh toán
Ông Lê Hoàng Bảo	05/06/2024	2.000.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; gia hạn chậm nhất đến ngày 06/07/2027
Ông Phạm Tiến Quân	25/12/2024	3.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Trường Thành Bình Định	Trong vòng 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến ngày 25/09/2026
Ông Lê Quốc Cường	26/06/2025	950.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong vòng 300 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 22/04/2027.
Ông Cao Trương Công Bắc	01/05/2024	17.280.000 cổ phần Công ty Cổ phần TTP Phù Mỹ	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 27/11/2026
Ông Dương Đình Tâm	12/03/2024	5.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 08/09/2026
Ông Nguyễn Anh Tuấn	06/06/2024	9.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Kỳ Sơn	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 03/12/2026
Ông Nguyễn Tùng Lâm	12/03/2024	5.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Điện mặt trời Lệ Thủy	Trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng; đã được gia hạn chậm nhất đến 08/09/2026
Ông Đỗ Văn Quang	26/06/2026	2.410.000 cổ phần 108 Trường Thành	Trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Các khoản phải thu này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần đã chuyển nhượng cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Tập đoàn.

Từ ngày 01/07/2026 đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các khách hàng mua cổ phần đã thanh toán cho Tập đoàn 200.000.000 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	136.307.021.075	89.078.885.284
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41.230.000.000	41.230.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱⁱ⁾	95.077.021.075	47.848.885.284
Trả trước cho người bán khác	7.881.919.374	6.857.887.174
Cộng	144.188.940.449	95.936.772.458
Trong đó:	-	-
Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng ngày 30/01/2024 để nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành ("TTP"). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, số cổ phần này chưa được B.Grimm giải chấp. TTVN và B.Grimm đang tiếp tục làm việc về việc giải chấp và chuyển nhượng cổ phần cho Công ty nhưng chưa đạt được thỏa thuận cuối cùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Ứng trước theo Hợp đồng nguyên tắc tổng thầu ngày 28/5/2023 để thực hiện việc thi công xây dựng công trình Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực Suối nước nóng Hội Vân (Thuyết minh V.6). Dự án được khởi công ngày 06/9/2023 và dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan -				
Tạm ứng	74.334.821.133	-	77.891.208.633	-
Ông Đặng Trần Quyết ⁽ⁱ⁾	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Bà Đào Thị Thanh Hiền ⁽ⁱⁱ⁾	3.362.144.000	-	3.365.000.000	-
Ông Lê Hoàng Bảo	57.677.133	-	3.611.208.633	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	65.815.000.000	-	65.815.000.000	-
Phải thu bên liên quan - tiền	2.353.041.096	-	2.373.041.096	-
lãi ủy thác đầu tư				
Ông Vương Thành Nam	2.353.041.096	-	2.373.041.096	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân	5.360.495.964	-	10.645.881.333	-
khác				
Tạm ứng	3.977.360.850	-	10.050.003.850	-
Ký cược, ký quỹ	20.560.000	-	21.110.000	-
Thuế TNDN tạm nộp 1% của bất động sản	1.092.115.593	-	499.307.962	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	270.459.521	-	75.459.521	-
Cộng	82.048.358.193	-	90.910.131.062	-

- (i) Tạm ứng cho Ông Đặng Trần Quyết – Trưởng phòng Phát triển Dự án tại Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh để phục vụ Dự án Nhà máy điện gió Trường Thành. Thời gian hoàn ứng dự kiến khi dự án hoàn thành.
- (ii) Tạm ứng cho Bà Đào Thị Thanh Hiền để phục vụ Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.
- (iii) Tạm ứng cho Ông Nguyễn Anh Tuấn để phục vụ Dự án Điện gió Trà Vinh tại vùng biển ngoài khơi huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Vương Thành Nam (bên liên quan) - Ủy thác đầu tư ^(*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.550.000	-	401.450.000	-
Cộng	30.001.550.000	-	30.401.450.000	-

(*) Công ty Cổ phần TTP Trà Vinh (Công ty con) ủy thác đầu tư cho Ông Vương Thành Nam theo Hợp đồng ngày 29 tháng 6 năm 2024, để mua 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ("Trường Thành Land"), với giá mua 24.000 VND/cổ phần. Thời hạn ủy thác là 24 tháng. Hợp đồng ủy thác đầu tư đã được các bên thống nhất gia hạn đến ngày 29 tháng 6 năm 2028.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 01 tháng 07 năm 2024, Ông Nam đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần Trường Thành Land từ Bà Đặng Thu Trang (Bên liên quan của Tập đoàn), giá mua 24.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng mua là 36.000.000.000 VND, thời hạn thanh toán là 02 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phần từ Bên bán sang Bên mua sẽ được thực hiện khi Bên bán được thanh toán đầy đủ giá trị chuyển nhượng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Ông Nam đã thanh toán cho bà Trang số tiền: 30.000.000.000 VND.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân ⁽ⁱ⁾	110.765.211.758	-	105.229.533.721	-
Dự án Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn ⁽ⁱⁱ⁾	1.682.403.843	-	1.682.403.843	-
Dự án Nhà máy Điện gió Đông Hải 3	-	-	194.444.445	-
Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình - giai đoạn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.617.269.509	-	-	-
Cộng	115.064.885.110	-	107.106.382.009	-

- (i) Là chi phí xây dựng dở dang Phân khu Nhà ở thương mại thuộc Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và dân cư khu vực suối nước nóng Hội Vân tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (“Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân”) do Công ty TNHH Onsen Hội Vân làm chủ đầu tư. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và đã có Văn bản số 986/SXD-QLN ngày 08/08/2025 của Sở Xây dựng về việc thông báo Nhà ở hình thành trong tương lai của dự án đã đủ điều kiện bán hàng. Phân khu nhà ở thương mại dự kiến hoàn thành và bàn giao vào quý III năm 2027.

Toàn bộ chi phí xây dựng dở dang của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là 3.443.692.676 VND (cùng kỳ năm trước là 2.821.617.226 VND)

- (ii) Là chi phí xây dựng dở dang Nhà máy điện gió TTP Ngân Sơn do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (công ty con) là chủ đầu tư. Dự án có tổng mức đầu tư là 6.380,39 tỷ VND, hiện đang trong giai đoạn khảo sát, đánh giá hiệu quả để chuẩn bị đầu tư.
- (iii) Là chi phí tư vấn đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 cho dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình tại tỉnh Hưng Yên do Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành là nhà thầu phụ.

7. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí môi giới bán hàng bất động sản, hỗ trợ lãi suất khách hàng	5.376.763.231	1.084.249.633
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	504.583.532	763.417.479
Cộng	5.881.346.763	1.847.667.112

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”), lãi suất 4,5%/năm, được cầm cố để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Công ty mẹ tại BIDV, bao gồm nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

vụ bảo lãnh thực hiện Hợp đồng dịch vụ vận hành và bảo dưỡng Nhà máy điện mặt trời Hòa Hội với Công ty Cổ phần TTP Phú Yên - Chi nhánh Phú Yên đến ngày 30/06/2027.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khoản tiền gửi có số dư gốc và lãi dự thu lần lượt là 2.100.000.000 VND và 13.391.096 VND (Số đầu năm: 2.100.000.000 VND và 12.686.301 VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số đầu năm	94.414.795.906	10.466.412.096	141.255.051	105.022.463.053
Mua trong kỳ	-	137.535.000	-	137.535.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(94.414.795.906)	-	-	(94.414.795.906)
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	-	9.185.412.551	141.255.051	9.326.667.602
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	889.372.273	104.227.273	993.599.546
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>				
Số đầu năm	24.630.714.870	4.680.039.299	111.393.939	29.422.148.108
Khấu hao trong kỳ	1.990.422.515	413.655.895	9.256.944	2.413.335.354
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(26.621.137.385)	-	-	(26.621.137.385)
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(1.418.534.545)	-	(1.418.534.545)
Số cuối kỳ	-	3.675.160.649	120.650.883	3.795.811.532
<i>Giá trị còn lại</i>				
Số đầu năm	69.784.081.036	5.786.372.797	29.861.112	75.600.314.945
Số cuối kỳ	-	5.510.251.902	20.604.168	5.530.856.070
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

(*) Trong kỳ, Công ty mẹ đã thanh lý Xe ô tô Toyota Camry 2.5Q, nguyên giá 1.418.534.545 VND, giá trị ghi sổ 0 VND; với giá thanh lý 280.909.091 VND.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xe ô tô Mercedes GLS 450	5.700.105.278	(2.042.537.739)	3.657.567.539
Xe ô tô con Audi Q5	2.458.400.000	(737.520.012)	1.720.879.988
Xe ô tô 8 chỗ Toyota Innova	889.372.273	(889.372.273)	-
Tài sản cố định hữu hình khác	278.790.051	(126.381.508)	152.408.543
Cộng	9.326.667.602	(3.795.811.532)	5.530.856.070

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp*

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, xe ô tô Mercedes GLS 450 và xe ô tô con Audi Q5 được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty mẹ tại ngân hàng (Xem thuyết minh V.16b).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng dở dang của các dự án, gồm:

	Nhà máy Điện gió Trà Vinh ⁽ⁱ⁾	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân ⁽ⁱⁱ⁾	Cộng
Số đầu năm	640.070.876	193.222.240.797	193.862.311.673
Chi phí phát sinh trong kỳ	-	9.755.823.212	9.755.823.212
Số cuối kỳ	640.070.876	202.978.064.009	203.618.134.885

⁽ⁱ⁾ Là chi phí Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Nhà máy Điện gió V4-1, V4-2, V4-3 tỉnh Trà Vinh.⁽ⁱⁱ⁾ Là chi phí đầu tư xây dựng Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Dự án đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 với tổng mức đầu tư dự kiến là 726.911.000.000 VND, dự kiến hoàn thành vào Quý III/2027.

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án trong kỳ là 6.384.197.382 VND (cùng kỳ năm trước là 3.828.477.088 VND).

Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản của dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.830.802.928	5.791.613.111
Công ty Cổ phần Điện Thiên Ân	1.738.800.000	2.268.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ An ninh Huy Hùng	928.740.000	1.211.400.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Truyền Thông H.T	937.181.000	1.022.410.000
Công ty TNHH Naniwa Issui Ryokan	595.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.631.081.928	1.289.803.111
Cộng	5.830.802.928	5.791.613.111
Trong đó:	-	-
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.581.393.633	626.025.052

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	15.343.245.320	9.730.648.187
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land ⁽ⁱ⁾	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Đặng Trần Quyết ⁽ⁱⁱ⁾	2.457.259.127	766.648.640
Bà Đặng Thị Phương Hoa ⁽ⁱⁱ⁾	2.826.913.958	881.638.760
Ông Lê Đình Ngọc ⁽ⁱⁱ⁾	1.134.558.903	1.134.558.903
Ông Mạc Quang Huy ⁽ⁱⁱ⁾	1.257.560.536	820.813.699

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Tuấn Phong ⁽ⁱⁱ⁾	537.718.905	537.718.905
Bà Đào Thị Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	2.529.233.891	989.269.280
Trả trước của các khách hàng khác	98.468.313.986	44.800.147.980
Ông Đặng Hồng Lĩnh ⁽ⁱⁱ⁾	5.001.343.073	5.462.047.780
Ông Giáp Văn Hưng ⁽ⁱⁱ⁾	5.275.935.954	4.540.439.009
Ông Nguyễn Hoàng Quang ⁽ⁱⁱ⁾	6.273.183.150	2.932.805.100
Ông Nguyễn Văn Độ ⁽ⁱⁱ⁾	6.526.986.055	1.255.386.980
Bà Phạm Thùy Linh ⁽ⁱⁱ⁾	7.013.466.010	-
Ông Trần Đức Diễn ⁽ⁱⁱ⁾	5.008.191.872	1.563.113.080
Ông Vương Thành Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5.162.043.924	200.000.000
Các khách hàng khác ⁽ⁱⁱ⁾	58.207.163.948	28.846.356.031
Cộng	113.811.559.306	54.530.796.167

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng tư vấn ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (“TTP”- Công ty con) với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land (“Trường Thành Land”) để TTP cung cấp dịch vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Giai đoạn 02 cho Dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình, tại xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị hợp đồng trọn gói là 20 tỷ VND. Thời hạn thực hiện hợp đồng dự kiến không quá 12 tháng kể từ ngày TTP nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng. Tính từ thời điểm tạm ứng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, tổng giá trị doanh thu cung cấp dịch vụ lũy kế đã được Trường Thành Land nghiệm thu theo giai đoạn với TTP là 13,8 tỷ VND. Hợp đồng đang trong quá trình hoàn tất nghiệm thu, dự kiến hoàn thành vào tháng 9 năm 2026.
- (ii) Khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng mua bán nhà ở Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Thời gian dự kiến bàn giao Nhà ở giữa bên Mua và bên Bán là Quý III năm 2027. Toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ Dự án đã được Công ty TNHH Onsen Hội Vân (công ty con) dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh V.16b).

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Khác (*)	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.270.667.866	158.668.235	312.426.226	(881.953.447)	158.668.235	701.140.645
Thuế TNDN	3.195.245.219	-	4.772.475.714	(3.533.569.908)	(85.056.913)	4.349.094.112
Thuế TNDN tạm nộp hoạt động chuyển nhượng bất động sản	499.307.962	-	592.807.631	(200.000.000)	-	892.115.593
Thuế thu nhập cá nhân	252.477.793	-	199.531.239	(305.110.169)	-	146.898.863
Cộng	5.217.698.840	158.668.235	5.877.240.810	(4.920.633.524)	73.611.322	6.089.249.213

(*) Thay đổi do ngừng hợp nhất kinh doanh.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	12.560.535.111	11.639.842.848
Trong đó chi phí lãi vay phải trả liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định chưa hoàn thành	329.728.822	317.399.093

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	310.000.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam ("TTVN") (*)	310.000.000	310.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.997.318.320	1.955.230.628
Kinh phí công đoàn	204.116.225	132.625.725
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	169.417.600	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.580.000.000	1.780.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.784.495	42.604.903
Cộng	2.307.318.320	2.265.230.628

(*) Khoản phải trả liên quan đến cổ tức được chia năm 2023 của 3.100.000 cổ phần TTP chưa được TTVN chuyển quyền sở hữu cho Công ty mẹ (xem Thuyết minh V.4). Khoản cổ tức này sẽ được ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào TTP khi TTVN hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu cổ phần cho Công ty mẹ.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn tổ chức khác	34.697.520.000	34.817.640.000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited (i)	34.697.520.000	34.817.640.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	565.593.514	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	565.593.514	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b)	38.870.000.000	52.077.198.154
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	870.000.000	870.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam	-	10.222.821.096
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	38.000.000.000	40.984.377.058
Cộng	74.133.113.514	86.894.838.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành (Công ty con) nhận nợ vay từ B.Grimm Renewable Power 2 Limited theo thỏa thuận vay ngày 01/07/2020 để đổi lại quyền nhận được 3.062.400 cổ phần của Công ty Cổ phần TTP Phú Yên. Tổng giá trị khoản vay là 1.320.000 USD, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay đã đến hạn vào ngày 01/7/2021, tuy nhiên, các bên chưa làm thủ tục gia hạn và chưa chuyển quyền sở hữu cổ phần TTP Phú Yên. Lãi suất vay năm 2026 là 5,5%/năm (Năm 2025: 5,5%/năm).
- (ii) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 02 tháng 06 năm 2026, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thanh toán lương cho cán bộ nhân viên của Công ty. Hợp đồng cấp hạn mức được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	34.817.640.000	-	52.077.198.154	86.894.838.154
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	565.593.514	-	565.593.514
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	(10.222.821.096)	(10.222.821.096)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	12.858.229.986	12.858.229.986
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	(120.120.000)	-	-	(120.120.000)
Số tiền vay đã trả	-	-	(15.842.607.044)	(15.842.607.044)
Số cuối kỳ	34.697.520.000	565.593.514	38.870.000.000	74.133.113.514

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	163.363.872.842	163.937.508.233
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nam	-	8.445.726.327
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ ⁽ⁱⁱ⁾	1.612.000.000	2.047.000.000
Cộng	164.975.872.842	174.430.234.560

- (i) Công ty TNHH Onsen Hội Vân (Công ty con) vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngày 09 tháng 08 năm 2024, hạn mức cho vay 350 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng tính từ ngày tiếp theo giải ngân khoản nợ đầu tiên. Công ty không phải trả gốc vay trong khoảng thời hạn 18 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không quá 31/12/2025. Lãi suất ưu đãi trong 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân đầu tiên là 8,6%/năm. Lãi suất kỳ này là 9,9% - 14%/năm. Mục đích thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Hội Vân. Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án này; và Quyền sử dụng đất tại xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư Quang Anh Vina.
- (ii) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo các hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2022 và ngày 09/06/2023, mục đích mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay và thời hạn vay lần lượt là 3.700.000.000 VND - 84 tháng và 1.700.000.000 VND - 60 tháng. Lãi suất vay lần lượt là 9,9% và 8,5%/năm trong 12 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của ngân hàng + biên độ 3,5%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần. Các khoản vay có tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	38.870.000.000	52.077.198.154
Trên 1 năm đến 5 năm	164.975.872.842	174.430.234.560
Cộng	203.845.872.842	226.507.432.714

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	174.430.234.560	152.029.875.792
Số tiền vay phát sinh	8.441.987.551	21.105.308.608
Tăng do hợp nhất Công ty con	-	18.668.547.399
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(5.038.119.283)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(12.858.229.986)	(22.568.229.000)
Số cuối kỳ	164.975.872.842	169.235.502.799

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Thuế thu nhập hoãn lại

17a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh khi hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	372.164.344	154.386.566
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	101.333.333	124.444.444
Số cuối kỳ	473.497.677	278.831.010

17b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải nộp thuế liên quan hoàn nhập dự phòng tại Công ty con, công ty liên kết khi tiến hành hợp nhất kinh doanh. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	898.671.463	1.077.738.493
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(247.609.342)	(126.669.057)
Số cuối kỳ	651.062.121	951.069.436

17c. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(247.609.342)	(126.669.057)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(101.333.333)	(124.444.444)
Cộng	(348.942.675)	(251.113.501)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	112.957.091.011	153.590.313.340	1.478.080.569.590
Cổ đông công ty con góp vốn bằng tiền	-	-	-	2.401.000.000	2.401.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.762.649.105	2.102.633.831	5.865.282.936
Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở các công ty con	-	-	2.709.597.459	14.404.495.682	17.114.093.141
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	26.972.619.498	26.972.619.498
Số dư cuối kỳ trước	1.208.065.620.000	3.467.545.239	119.429.337.575	199.471.062.351	1.530.433.565.165
Số dư đầu năm nay	1.208.065.620.000	3.467.545.239	126.767.016.513	149.647.125.601	1.487.947.307.353
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	8.214.653.776	1.269.189.858	9.483.843.634
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(30.446.852.811)	(30.446.852.811)
Số dư cuối kỳ này	1.208.065.620.000	3.467.545.239	134.981.670.289	120.469.462.648	1.466.984.298.176

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120.806.562	120.806.562
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120.806.562	120.806.562

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	806.353.920	787.968.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.418.467.840	3.377.756.160
Trên 5 năm	2.310.584.400	2.763.666.000
Cộng	6.535.406.160	6.929.390.160

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence (địa chỉ: số 03 Lương Yên, Hai Bà Trưng, Hà Nội) được Công ty mẹ thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Diện tích thuê là 180 m2 với thời hạn thuê là 10 năm tính từ ngày 01/01/2024. Giá thuê như sau:

Năm	Giá thuê mặt bằng (VND/m2/tháng)	Phí dịch vụ quản lý (VND/m2/tháng)
Từ năm 2024 đến hết năm 2026	243.200	121.600
Từ năm 2027 đến hết năm 2028	260.224	121.600
Từ năm 2029 đến hết năm 2030	278.464	121.600
Từ năm 2031 đến hết năm 2032	297.920	121.600
Năm 2033	318.835	121.600

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Tài sản nhận cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Các tài sản nhận cầm cố, thế chấp và các khoản bảo lãnh nhận được của Tập đoàn liên quan đến các khoản cho vay, phải thu chuyển nhượng cổ phần và hợp tác đầu tư đã được trình bày tại các thuyết minh tương ứng, bao gồm:

Hình thức bảo đảm	Nghĩa vụ được bảo đảm	Tham chiếu
Cầm cố/thế chấp cổ phần	Các khoản cho vay và phải thu chuyển nhượng cổ phần	Thuyết minh V.2a, V.3
Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (bên liên quan)	Các khoản cho vay, hợp tác đầu tư	Thuyết minh V.2a, V.2c

19c. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Hàng tồn kho (Xem thuyết minh V.6)	110.724.786.958	105.229.533.721	60 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Tài sản ngắn hạn khác (xem Thuyết minh số V.8)	2.113.391.096	2.112.686.301	12 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	5.378.447.527	5.786.372.797	60 tháng - 84 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thuyết minh V.10)	202.978.064.009	193.222.240.797	60 tháng	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Cộng	321.194.689.590	306.350.833.616		

19d. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 86,80 USD (Số đầu năm: 86,80 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	5.957.362.605	8.128.852.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, vận hành và bảo trì nhà máy điện	13.267.728.298	16.756.389.092
Cộng	19.225.090.903	24.885.241.768

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của bán điện thương phẩm	3.768.086.360	4.412.162.626
Giá vốn của dịch vụ tư vấn, vận hành và bảo trì nhà máy điện	9.014.786.138	11.549.797.246
Cộng	12.782.872.498	15.961.959.872

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	8.943.654.475	8.874.851.884
Lãi chuyển nhượng công ty con (Xem thuyết minh I.5a)	3.299.348.318	-
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết (Xem thuyết minh V.2b)	5.188.932.976	-
Cổ tức được chia	-	1.299.999.740
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	48.079.013	143.220
Cộng	17.480.014.782	10.174.994.844

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	1.598.757.895	3.120.592.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.315.951.905
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	2.348.173.355
Cộng	1.598.757.895	6.784.717.511

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.666.806.401	5.684.402.911
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	196.941.619	107.774.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	422.912.839	407.925.267
Thuế, phí và lệ phí	89.286.899	45.000.000
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	1.646.996.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.332.504.242	1.262.202.502
Các chi phí khác	1.904.480.170	925.381.191
Cộng	8.612.932.170	10.079.682.906

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty con	-	5.190.421.728
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	280.909.091	-
Thu nhập khác	-	106
Cộng	280.909.091	5.190.421.834

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	8.214.653.776	3.762.649.105
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.214.653.776	3.762.649.105
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	120.806.562	120.806.562
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	68	31

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.412.879	9.748.194
Chi phí nhân công	4.666.806.401	7.062.840.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.413.335.354	2.796.432.285
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	-	1.646.996.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.098.179.225	13.644.878.375
Chi phí khác	2.080.070.809	1.083.197.527
Cộng	21.395.804.668	26.244.093.583

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

- Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**
Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng được trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" (xem Thuyết minh số V.8).
- Các giao dịch không bằng tiền**
Trong kỳ, Tập đoàn đã thực hiện chuyển đổi khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land thành khoản cho vay, số tiền: 33.500.000.000 VND (xem thuyết minh V.2a).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh toán theo tiến độ hợp đồng chuyển nhượng bất động sản của:		
Bà Đặng Thị Phương Hoa (Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT)	1.945.275.198	-
Ông Đặng Trần Quyết (Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT)	1.690.610.487	-
Ông Mạc Quang Huy (Thành viên HĐQT)	436.746.837	-
Bà Đào Thị Hồng (Bên liên quan của Thành viên HĐQT)	1.539.964.611	-
Các giao dịch khác với Bà Đặng Thị Phương Hoa:		
Thu hồi tiền tạm ứng	2.856.000	-
Cho vay	3.550.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	3.945.000.000	-
Lãi cho vay phải thu	732.756.164	813.260.274

Số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.5a và V.12.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT độc lập	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đặng Bích Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thủy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Bà Vương Thị Oanh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	591.174.000	-	591.174.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	241.200.000	-	241.200.000
Cộng		832.374.000	156.000.000	988.374.000
Kỳ trước				
Ông Đặng Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Tuấn Phong	Phó chủ tịch HĐQT	-	18.000.000	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Hoàng Mạnh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Akahane Seiji	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Đình Lợi	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hiền	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hà Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	-	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Duy Hoàn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	345.600.000	-	345.600.000
Bà Nguyễn Thị Hoa Vy	Kế toán trưởng	208.200.000	-	208.200.000
Cộng		553.800.000	210.000.000	763.800.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Công ty liên kết (đến 30/06/2026)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Quảng Phú	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trường Thành Việt Nam	Cổ đông lớn/Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Trường Thành Đại Phát	Bên liên quan của Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	Có chung thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Duyên Hải	Tập đoàn là cổ đông lớn (sở hữu 15%)
Ông Lê Hoàng Bảo	Thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH Onsen Hội Vân

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho bên liên quan:		-
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên	11.781.818.182	12.956.389.092
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	-	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Đông Hải	463.632.216	-
Công ty cổ phần điện gió Trường Thành Duyên Hải	1.022.277.900	-
Sử dụng dịch vụ xây lắp, sửa chữa do bên liên quan cung cấp:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	1.710.059.453	26.307.701.950
Nhận chuyển nhượng cổ phần từ bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	12.764.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ xanh Trường Thành	-	9.231.000.000
Nhận cổ tức từ:		
Công ty Cổ phần TTP Phú Yên		1.299.999.740

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền tạm ứng của:		
Ông Lê Hoàng Bảo	3.553.531.500	
Cho vay:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	51.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	37.350.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	1.250.000.000	-
Lãi cho vay phải thu:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Land	28.219.178	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	239.227.398	-
Vay tiền từ:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	204.080.500
Trả tiền vay cho:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	6.147.000.000
Lãi vay phải trả:		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam	-	616.392.962

Cam kết bảo lãnh từ bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành Việt Nam đã dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 2 tỷ VND (xem Thuyết minh số V.16a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Số dư công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.12 và V.15.

Ngoài các khoản phải thu có tài sản thế chấp hoặc được bảo lãnh như đã trình bày tại thuyết minh V.3, các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực sản xuất điện;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính (cho vay và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác);
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các lĩnh vực khác không phát sinh doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh trong kỳ. Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của các lĩnh vực kinh doanh còn lại như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính (*)	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	13.267.728.298	5.957.362.605	17.431.935.769	36.657.026.672
Doanh thu thuần giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần	13.267.728.298	5.957.362.605	17.431.935.769	36.657.026.672
Chi phí bộ phận	(9.014.786.138)	(4.403.797.259)	-	(13.418.583.397)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.252.942.160	1.553.565.346	17.431.935.769	23.238.443.275
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.612.932.170)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.625.511.105
Doanh thu tài chính khác				48.079.013
Chi phí tài chính khác				(963.046.996)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(40.776.403)
Thu nhập khác				280.909.091
Chi phí khác				(43.299.137)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(4.772.475.714)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				348.942.675
Lợi nhuận sau thuế TNDN				9.483.843.634
Kỳ trước				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	16.756.389.092	8.128.852.676	10.174.851.624	35.060.093.392
Doanh thu thuần giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần	16.756.389.092	8.128.852.676	10.174.851.624	35.060.093.392
Chi phí bộ phận	(11.549.797.246)	(4.412.162.626)	(5.468.765.606)	(21.430.725.478)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.206.591.846	3.716.690.050	4.706.086.018	13.629.367.914
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.084.914.387)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.544.453.527
Doanh thu tài chính khác				143.220
Chi phí tài chính khác				(1.315.951.905)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				(37.491.701)
Thu nhập khác				5.190.421.834
Chi phí khác				(598.558.789)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.168.846.751)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				251.113.501
Lợi nhuận sau thuế TNDN				5.865.282.936

(*) Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, doanh thu gồm cổ tức được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư, lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay. Chi phí trực tiếp gồm lỗ thanh lý các khoản đầu tư, trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất điện (*)	Lĩnh vực đầu tư tài chính (**)	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.194.323.717	-	1.317.135.894.931	427.205.851.820	6.766.764.412	1.756.302.834.880
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						92.219.164.089
Tổng tài sản						1.848.521.998.969
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.865.921.000	-	-	316.258.108.872		318.124.029.872
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						63.413.670.921
Tổng nợ phải trả						381.537.700.793
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.844.872.727	122.650.382.829	1.230.562.679.666	384.567.201.915	53.301.177.176	1.793.926.314.313
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						36.701.927.839
Tổng tài sản						1.830.628.242.152
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.501.203.111	18.984.972.060	-	259.498.022.656	-	280.984.197.827
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						61.696.736.972
Tổng nợ phải trả						342.680.934.799

(*) Trong kỳ, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sen Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Xanh Trường Thành Miền Trung (xem Thuyết minh I.5a). Theo đó, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không còn tài sản và nợ phải trả liên quan đến lĩnh vực sản xuất điện.

(**) Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính, tài sản trực tiếp gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn; cho vay; nợ phải thu về thanh lý các khoản đầu tư, phải thu lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác. Nợ phải trả trực tiếp gồm phải trả về mua cổ phần/mua khoản đầu tư.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh, trình bày lại, do: (i) áp dụng các quy định của Thông tư 99 và Thông tư 43 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số III.1); và (ii) điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 do bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư và ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	4.850.000.000	(2.100.000.000)	2.750.000.000	(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	2.084.000.000	187.818.330.752	189.902.330.752	(ii), (iii)
Các khoản cho vay		165.570.000.000	(165.570.000.000)	-	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	135	113.171.148.115	(22.261.017.053)	90.910.131.062	(iii), (iv)
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	2.112.686.301	2.112.686.301	(i), (iv)
Phải thu dài hạn khác	215	75.401.450.000	(45.000.000.000)	30.401.450.000	(v)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	429.560.605.901	45.000.000.000	474.560.605.901	(v)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	(9.587.400.442)	(16.389.993.579)	(25.977.394.021)	(vi)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	6.753.167.434	(1.535.468.594)	5.217.698.840	(vii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420	141.621.541.498	(14.854.524.985)	126.767.016.513	(vi), (vii)
(i) Trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”. (ii) Trình bày gốc cho vay từ chỉ tiêu “Các khoản cho vay” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”. (iii) Trình bày khoản dự thu lãi cho vay từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, số tiền: 22.248.330.752 VND. (iv) Trình bày khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bị hạn chế sử dụng từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác”, số tiền: 12.686.301 VND. (v) Trình bày khoản BCC không đồng kiểm soát, hưởng lợi nhuận theo kết quả kinh doanh từ chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác” sang chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”. (vi) Trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. (*) (vii) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do ảnh hưởng của khoản dự phòng bổ sung nêu tại (vi) (*).					

(*) Ngày 27 tháng 4 năm 2026, sau thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tập đoàn được công bố, Tập đoàn nhận được Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành Trà Vinh và Công ty Cổ phần Hướng Hóa Holding, trong đó các công ty này phát sinh lỗ trong năm 2025. Do thông tin này có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2025 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Sun Grand City Ancora Residence, số 03 Lương Yên, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh V.3 và V.5)
- Dự phòng tổn thất các khoản cho vay (Thuyết minh V.2a)
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh V.2c)

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08 tháng 07 năm 2026, Hội đồng quản trị của Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Trường Thành Castrol Gogoro Mobility tại thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, với vốn điều lệ là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó, Tập đoàn dự kiến góp 20 tỷ VND, bao gồm: Công ty mẹ góp 15 tỷ, tương đương 60% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần Năng lượng Trường Thành góp 5 tỷ VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện nêu trên, từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TUQ Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Thanh Hiền

Nguyễn Thị Hoa Vy



Hoàng Mạnh Huy

**INTERIM CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**

**FOR THE ACCOUNTING PERIOD
FROM 1 JANUARY 2026 TO 30 JUNE 2026**

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. General information	2
3. Statement of the legal representative	3
4. Report on Review of Interim Financial Information	4 - 5
5. Interim Consolidated Statement of Financial Position as at 30 June 2026	6 - 9
6. Interim Consolidated Statement of Income for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	10
7. Interim Consolidated Statement of Cash Flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	11 - 12
8. Notes to the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026	13 - 53

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

GENERAL INFORMATION

Corporate information

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (formerly Truong Thanh Energy and Real Estate JSC.) is a joint stock company operating in accordance with the Enterprise Registration Certificate No. 0105167260, initially registered on 28 February 2011 and issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

During its operation, the Company has had its Enterprise Registration Certificate amended 25 times by the Hanoi Authority for Planning and Investment (now the Hanoi Department of Finance). The 25th amended Enterprise Registration Certificate dated 15 January 2026 reflects changes to the Company's name and principal business activities.

Head office

- Address : 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City
- Tel. : 0242 242 5995

Principal business activities of the Company and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group") during the period include operation and maintenance of solar power plants; supervision of construction works; real estate business; provision of consulting services; generation and trading of electricity; and financial investments.

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Executive Officers of the Company during the period and up to the date of this statement include:

Board of Directors ("BOD")

Full name	Position
Mr. Dang Trung Kien	Chairman
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum Independent BOD Member
Mr. Dao Xuan Duc	Member
Mr. Le Dinh Ngoc	Member
Mr. Mac Quang Huy	Member
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent BOD Member
Mr. Nguyen Anh Tuan	Member

Board of Supervisors ("BOS")

Full name	Position
Ms. Dang Bich Thuy	Head of the BOS
Ms. Le Thuy Linh	Member
Ms. Vuong Thi Oanh	Member

Executive Officers

Full name	Position
Mr. Hoang Manh Huy	General Director
Mr. Nguyen Quang Vinh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and up to the date of this statement is Mr. Dang Trung Kien – BOD Chairman.

Mr. Dang Trung Kien has authorized Mr. Hoang Manh Huy – General Director to sign the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 in accordance with the Letter of Attorney No. 57/2024/UQ-TEG dated 19 April 2024.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed as the Company's independent auditor.

STATEMENT OF THE LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, comprising the Interim Financial Statements of the Company and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Responsibilities of the Executive Officers

The Executive Officers are responsible for the preparation of the Interim Consolidated Financial Statements that give a true and fair view of the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the period. In order to prepare these Interim Consolidated Financial Statements, the Executive Officers must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- State whether applicable accounting standards have been followed or not, and all the differences subject to any materials departures are disclosed and explained in the Interim Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Interim Consolidated Financial Statements of the Group on a going-concern basis unless it is inappropriate to presume that the Group will continue in business; and
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to fraud or error in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

The Executive Officers hereby ensure that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded that disclose with reasonable accuracy at any time the financial position of the Group, and that all the accounting books have been prepared in accordance with the applicable Accounting System. The Executive Officers are also responsible for safeguarding the Group's assets and consequently have taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Executive Officers hereby confirm that the Group has complied with the aforementioned requirements in preparation of the Interim Consolidated Financial Statements.

Statement of the legal representative

In the opinion of the legal representative, the Interim Consolidated Financial Statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 30 June 2026 and of its consolidated financial performance and consolidated cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

By authorization of the legal representative *K*
General Director



Hoang Manh Huy

28 August 2026

No. 2.0613/26/TC-AC

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION

**To: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE EXECUTIVE OFFICERS
TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY**

We have reviewed the accompanying Interim Consolidated Financial Statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiaries (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 28 August 2026, from page 6 to page 53, comprising the Interim Consolidated Statement of Financial Position as at 30 June 2026, the Interim Consolidated Statement of Income, the Interim Consolidated Statement of Cash Flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 and the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Executive Officers

The Company's Executive Officers are responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Interim Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements; and responsible for such internal control as the Executive Officers determine necessary to enable the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Consolidated Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing and therefore, it does not enable us to obtain a reasonable assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express our audit opinion.

Conclusion of Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Consolidated Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 30 June 2026 and of its consolidated financial performance and consolidated cash flows for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.



Emphasis of Matter

We draw the readers' attention to Note VIII.3 to the Interim Consolidated Financial Statements, which describes the Group's restatement of the comparative figures as at 1 January 2026. Our review conclusion is not modified in respect of this matter.

Other matter

The Report on review of the Company's Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate: No. 0368-2023-008-1

Authorized Signatory

Hanoi, 28 August 2026



TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

(Full form)

As at 30 June 2026

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		990,304,896,502	867,445,273,579
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	3,683,467,936	7,575,088,986
1. Cash	111		3,683,467,936	4,825,088,986
2. Cash equivalents	112		-	2,750,000,000
II. Short-term financial investments	120		280,190,122,094	189,902,330,752
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Short-term held-to-maturity investments	123	V.2a	280,190,122,094	189,902,330,752
4. Provisions for impairment of short-term held-to-maturity investments	124		-	-
5. Other short-term investments	125		-	-
6. Provisions for impairment of other short-term investments	126		-	-
III. Short-term receivables	130		587,514,928,920	547,257,307,916
1. Short-term trade receivables	131	V.3	361,297,630,278	360,430,404,396
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	144,188,940,449	95,936,772,458
3. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
4. Other short-term receivables	135	V.5a	82,048,358,193	90,910,131,062
5. Allowance for short-term doubtful debts	136		(20,000,000)	(20,000,000)
6. Shortage of assets awaiting resolution	137		-	-
IV. Inventories	140		115,064,885,110	107,106,382,009
1. Inventories	141	V.6	115,064,885,110	107,106,382,009
2. Allowance for devaluation of inventories	142		-	-
V. Short-term biological assets	150		-	-
1. Short-term consumable livestock	151		-	-
2. Short-term consumable crops/plants	152		-	-
3. Provisions for impairment of short-term biological assets	153		-	-
VI. Other current assets	160		3,851,492,442	15,604,163,916
1. Short-term deferred expenses	161		37,571,838	227,735,122
2. Deductible VAT	162		1,700,529,508	13,105,074,258
3. Taxes and other receivables from the State	163	V.13	-	158,668,235
4. Trading Government bonds	164		-	-
5. Other current assets	165	V.8	2,113,391,096	2,112,686,301

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		858,217,102,467	963,182,968,573
I. Long-term receivables	210		30,001,550,000	30,401,450,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Other long-term receivables	215	V.5b	30,001,550,000	30,401,450,000
4. Allowance for long-term doubtful debts	216		-	-
II. Fixed assets	220		5,530,856,070	75,600,314,945
1. Tangible fixed assets	221	V.9	5,530,856,070	75,600,314,945
- Historical costs	222		9,326,667,602	105,022,463,053
- Accumulated depreciation	223		(3,795,811,532)	(29,422,148,108)
2. Finance lease assets	224		-	-
- Historical costs	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		-	-
- Historical costs	228		-	-
- Accumulated amortization	229		-	-
III. Long-term biological assets	230		-	-
1. Bearer livestock	231		-	-
a) Immature bearer livestock	232		-	-
b) Mature bearer livestock	233		-	-
- Historical costs	234		-	-
- Accumulated depreciation	235		-	-
2. Long-term consumable livestock	236		-	-
3. Long-term consumable crops/plants	237		-	-
4. Provisions for impairment of long-term biological assets	238		-	-
IV. Investment properties	240		-	-
- Historical costs	241		-	-
- Accumulated depreciation	242		-	-
V. Long-term assets in progress	250		203,618,134,885	193,862,311,673
1. Long-term work in progress	251		-	-
2. Construction-in-progress	252	V.10	203,618,134,885	193,862,311,673
VI. Long-term financial investments	260		612,711,717,072	661,099,060,499
1. Investments in subsidiaries	261		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	262	V.2b	161,872,505,192	212,515,848,619
3. Investments in other entities	263	V.2c	476,816,605,901	474,560,605,901
4. Provisions for impairment of long-term investments in other entities	264	V.2c	(25,977,394,021)	(25,977,394,021)
5. Long-term held-to-maturity investments	265		-	-
6. Provisions for impairment of long-term held-to-maturity investments	266		-	-
VII. Other non-current assets	270		6,354,844,440	2,219,831,456
1. Long-term deferred expenses	271	V.7	5,881,346,763	1,847,667,112
2. Deferred income tax assets	272	V.17a	473,497,677	372,164,344
3. Long-term components and spare parts	273		-	-
4. Other non-current assets	274		-	-
5. Goodwill	279		-	-
TOTAL ASSETS	280		1,848,521,998,969	1,830,628,242,152

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		381,537,700,793	342,680,934,799
I. Current liabilities	310		215,910,765,830	167,352,028,776
1. Short-term trade payables	311	V.11	5,830,802,928	5,791,613,111
2. Short-term advances from customers	312	V.12	113,811,559,306	54,530,796,167
3. Payables for dividends and profit distributions	313		-	-
4. Short-term taxes and other obligations to the State Budget	314	V.13	6,089,249,213	5,217,698,840
5. Payables to employees	315		1,178,187,438	1,012,009,028
6. Short-term accrued expenses	316	V.14	12,560,535,111	11,639,842,848
7. Payables based on the progress of construction contracts	318		-	-
8. Short-term unearned revenue	319		-	-
9. Other short-term payables	320	V.15	2,307,318,320	2,265,230,628
10. Short-term borrowings and finance leases	321	V.16a	74,133,113,514	86,894,838,154
11. Short-term provisions	322		-	-
12. Bonus and welfare funds	323		-	-
13. Price stabilization fund	324		-	-
14. Trading Government bonds	325		-	-
II. Non-current liabilities	330		165,626,934,963	175,328,906,023
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term taxes and other obligations to the State Budget	333		-	-
4. Long-term accrued expenses	334		-	-
5. Long-term unearned revenue	337		-	-
6. Other long-term payables	338		-	-
7. Long-term borrowings and finance leases	339	V.16b	164,975,872,842	174,430,234,560
8. Convertible bonds	340		-	-
9. Preferred shares	341		-	-
10. Deferred income tax liabilities	342	V.17b	651,062,121	898,671,463
11. Long-term provisions	343		-	-
12. Science and technology development fund	344		-	-

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Interim Consolidated Statement of Financial Position (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNERS' EQUITY	400	V.18	1,466,984,298,176	1,487,947,307,353
1. Owners' contribution capital	411		1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		1,208,065,620,000	1,208,065,620,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		3,467,545,239	3,467,545,239
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		-	-
9. Other funds	419		-	-
10. Retained earnings	420		134,981,670,289	126,767,016,513
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	420a		126,767,016,513	126,767,016,513
- Retained earnings of the current period	420b		8,214,653,776	-
11. Non-controlling interests	429		120,469,462,648	149,647,125,601
TOTAL RESOURCES	440		1,848,521,998,969	1,830,628,242,152

Prepared by

Bui Thanh Thanh Hien

Chief Accountant

Nguyen Thi Hoa Vy

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director

Hoang Manh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME

(Full form)

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Unit: VND

Accumulated from the beginning of the year
to the end of the current period

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	19,225,090,903	24,885,241,768
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		19,225,090,903	24,885,241,768
4. Cost of sales	11	VI.2	12,782,872,498	15,961,959,872
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		6,442,218,405	8,923,281,896
6. Gain/(loss) on disposal, liquidation of investment properties	21		-	-
7. Financial income	22	VI.3	17,480,014,782	10,174,994,844
8. Financial expenses	23	VI.4	1,598,757,895	6,784,717,511
In which: Borrowing costs	24		1,598,757,895	3,120,592,251
9. Selling expenses	25		-	5,231,481
10. General and administration expenses	26	VI.5	8,612,932,170	10,079,682,906
11. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	27		(40,776,403)	(37,491,701)
12. Net operating profit/ (loss)	30		13,669,766,719	2,191,153,141
13. Other income	31	VI.6	280,909,091	5,190,421,834
14. Other expenses	32		43,299,137	598,558,789
15. Other profit/ (loss)	40		237,609,954	4,591,863,045
16. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		13,907,376,673	6,783,016,186
17. Current income tax	51		4,772,475,714	1,168,846,751
18. Deferred income tax	52	V.17c	(348,942,675)	(251,113,501)
19. Profit/ (loss) after tax	60		<u>9,483,843,634</u>	<u>5,865,282,936</u>
20. Profit/ (loss) after tax attributable to the Parent Company	61		<u>8,214,653,776</u>	<u>3,762,649,105</u>
21. Profit/ (loss) after tax attributable to non-controlling shareholders	62		<u>1,269,189,858</u>	<u>2,102,633,831</u>
22. Basic earnings per share	70	VI.7	<u>68</u>	<u>31</u>
23. Diluted earnings per share	71	VI.7	<u>68</u>	<u>31</u>

Prepared by

Chief Accountant

Bui Thanh Thanh Hien

Nguyen Thi Hoa Vy

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director

Hoàng Mạnh Huy

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

(Indirect method)

(Full form)

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Unit: VND

Accumulated from the beginning of the year
to the end of the current period

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		13,907,376,673	6,783,016,186
2. Adjustments:				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.8	2,413,335,354	4,443,429,184
- Provisions and allowances	03		-	2,348,173,355
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3; VI.4	(48,079,013)	1,315,808,685
- (Gain)/ loss from investing and financing activities	05		(17,672,068,457)	(10,137,359,923)
- Borrowing costs	06	VI.4	1,598,757,895	3,120,592,251
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		199,322,452	7,873,659,738
- (Increase)/ decrease in receivables	09		(34,246,271,538)	(7,046,098,440)
- (Increase)/ decrease in inventories	10		(7,958,503,101)	(202,450,805)
- Increase/ (decrease) in payables	11		58,569,661,616	17,892,126,368
- Increase/ (decrease) in deferred expenses	12		(3,932,536,508)	593,161,767
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Borrowing costs paid	14		(762,436,348)	(1,320,076,025)
- Corporate income tax paid	15	V.13	(3,733,569,908)	(1,505,978,725)
- Other cash inflows from operating activities	16		-	-
- Other cash outflows from operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		<u>8,135,666,665</u>	<u>16,284,343,878</u>
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(8,925,659,902)	(33,488,952,833)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		280,909,091	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(58,900,000,000)	(25,370,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		8,617,000,000	186,000,000
5. Investments in other entities	25		(2,256,000,000)	1,032,336,681
6. Proceeds from divestment of investments in other entities	26		55,636,625,942	25,452,999,982
7. Interests earned, dividends and profits received	27		354,863,133	2,304,214,652
Net cash flows from investing activities	30		<u>(5,192,261,736)</u>	<u>(29,883,401,518)</u>

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

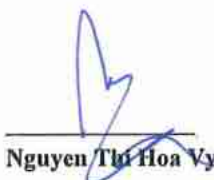
Interim Consolidated Statement of Cash Flows (cont.)

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from share issuance and capital contributions from owners	31		-	2,401,000,000
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	9,007,581,065	29,266,274,871
4. Repayment for borrowings	34	V.16	(15,842,607,044)	(15,322,879,820)
5. Repayments for finance lease principal	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(6,835,025,979)</u>	<u>16,344,395,051</u>
Net cash flows during the period	50		(3,891,621,050)	2,745,337,411
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	7,575,088,986	2,943,829,739
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	143,220
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>3,683,467,936</u>	<u>5,689,310,370</u>

Prepared by


Bui Thanh Thanh Hien

Chief Accountant


Nguyen Thi Hoa Vy

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director**Hoàng Mạnh Huy**

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026****I. GENERAL INFORMATION****1. Form of ownership**

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) is a joint stock company.

2. Operating fields

The Group’s operating fields include investment, trade and services.

3. Business activities

The principal business activities of the Group during the period include: real estate business; provision of consulting services; generation and trading of electricity; and financial investments.

4. Normal operating cycle

For the rendering of services and electricity generation activities, the Group’s normal operating cycle is within 12 months.

For trading in real estate, the normal operating cycle begins from the time the legal procedures for project investment are carried out – including applying for investment approval, site clearance and construction – until the product is completed for transfer. Accordingly, the production and business cycle for the Group’s property transfer activities typically ranges from over 12 months to approximately 36 months.

5. Structure of the Group

The Group comprises the Parent Company and 4 subsidiaries under the control of the Parent Company. All subsidiaries are consolidated in the Interim Consolidated Financial Statements.

5a. Information on the Group’s restructuring*Divestment and loss of control*

In May 2026, the Group transferred its entire capital contribution in two subsidiaries level 2: Green Lotus Solar Electric JSC. (“Green Lotus”) and Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC (“TTMT”). Upon completion of the transfer, the Group lost control over Green Lotus and TTMT, and consequently lost control over the subsidiaries level 3 owned by these two companies. Accordingly, the Group ceased to consolidate the aforementioned companies into the Consolidated Financial Statements from the date control was lost.

As of the date of loss of control, the value of the assets and liabilities of Green Lotus and TTMT (including the subsidiaries level 3 owned by these two companies) was as follows:

	Green Lotus	TTMT	Total
<i>Assets</i>	43,184,371,825	33,934,921,992	77,119,293,817
Cash and cash equivalents	343,791,625	904,701,813	1,248,493,438
Held-to-maturity investments	384,000,000	1,700,000,000	2,084,000,000
Short-term trade receivables	895,949,214	820,497,342	1,716,446,556
Short-term deferred expenses	58,579,290	29,973,514	88,552,804
Deductible VAT	2,195,295,700	1,433,711,226	3,629,006,926
Taxes and other receivables from the State	158,668,235		158,668,235
Other long-term receivables	400,000,000		400,000,000

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Interim Consolidated Financial Statements

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Green Lotus	TTMT	Total
Historical costs – Tangible fixed assets	53,846,545,452	40,568,250,454	94,414,795,906
Accumulated depreciation – Tangible fixed assets	(15,098,837,380)	(11,522,300,005)	(26,621,137,385)
Long-term deferred expenses	379,689	87,648	467,337
Liabilities	9,380,091,695	6,292,624,598	15,672,716,293
Short-term trade payables	324,720,000	1,999,000	326,719,000
Short-term taxes and other obligations to the State Budget	40,728,054	44,328,860	85,056,914
Short-term borrowings and finance leases	5,846,173,836	4,376,647,260	10,222,821,096
Net assets	33,804,280,130	27,642,297,394	61,446,577,524
Non-controlling interests (“NCI”)	16,902,127,088	13,544,725,723	30,446,852,811
Net assets of the Group	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713
Proportion of equity interest transferred held by the Group	100%	100%	100%
Net assets transferred	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713

Gain on divestment in subsidiaries is as follows:

	Green Lotus	TTMT	Total
Consideration receivable	18,590,111,728	15,708,961,303	34,299,073,031
Value of net assets transferred	16,902,153,042	14,097,571,671	30,999,724,713
Gain on divestment (see Note VI.3)	1,687,958,686	1,611,389,632	3,299,348,318

Net cash proceeds from divestments in subsidiaries:

Receipt in cash	32,584,119,380
Cash and cash equivalents at subsidiaries as at the date of transfer	(1,248,493,438)
Net cash	31,335,625,942

Commitment to contribute capital to establish a subsidiary

Pursuant to Board of Directors’ Resolution No. 26/2024/NQ-HDQT/TEG dated 31 October 2024, the Group contributed capital to establish Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution JSC. (“GIP”), with GIP’s total charter capital of VND 5,000,000,000, corresponding to 500,000 shares. Of which:

Capital contributor	Committed capital contributed		Amount contributed as at 30 June 2026	Amount to be contributed
	VND	Rate		
Parent Company	2,525,000,000	50.5%	50,500,000	2,474,500,000
Truong Thanh Energy JSC.	25,000,000	0.5%	500,000	24,500,000

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**5b. List of consolidated subsidiaries as at 30 June 2026**

U. List of consolidated subsidiaries as at 30 June 2020

Name	Address of head office	Operation during the period	Proportion of beneficial interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Subsidiary level 1						
Truong Thanh Energy JSC. ("TTP")	4 th Floor Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 3 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam	The company has been in normal operation. Profit mainly comes from investments	92.11%	92.11%	92.11%	92.11%
Onsen Hoi Van Limited Liability Company ("Onsen HV")	Hoi Van Hamlet, Hoa Hoi Commune, Gia Lai Province, Vietnam	The main activity during the period was construction.	65.75%	65.75%	60.00%	60.00%
Truong Thanh GIP Electricity Investment, Construction and Distribution JSC.	1 st Floor, Plot DVCC1-1, Lien Ha Thai Industrial Park (Green iP-1), Thai Thuy Commune, Hung Yen Province, Vietnam	The company is newly established and has not had any revenue.	2.04%	2.04%	51.00%	51.00%
Subsidiary level 2 (a subsidiary of Truong Thanh Energy JSC.)						
TTP Tra Vinh JSC. ("TTP Tra Vinh")	Apartment PG1-10, Vincom Quarter, Group 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The main activity during the period was the continued investment in the project	94.98%	94.98%	99.00%	99.00%

List of subsidiaries excluded from consolidation during the period (consolidated as at 31 May 2026)

2020)

Name	Address of head office	Operation during the period	Proportion of beneficial interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Subsidiary level 2 (Subsidiary of Truong Thanh Energy JSC.)						
Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC.	No. 220, Le Dai Hanh Road, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen City, Vietnam	Financial investment	-	46.98%	-	51.00%
Green Lotus Solar Electric JSC.	No. 220, Le Dai Hanh Road, Group 11, Tran Lam Ward, Hung Yen City, Vietnam	Financial investment	-	46.06%	-	50.000 0384%
Subsidiary level 3						
Subsidiary of Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC.						
Nhon Tan 1 Solar Electric One Member Co., Ltd.	No. 108, Ham Nghi Road, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%
Nhon Tan 2 Solar Electric One Member Co., Ltd.	No. 396 Tay Son Road, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%
Nhon Tan 5 Solar Electric One Member Co., Ltd.	Plot 32 Hoang Van Thai, Quy Nho Ward, Gia Lai Province, Vietnam	Electricity generation	-	46.98%	-	100%

A subsidiary of Green Lotus Solar Electric JSC.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Name	Address of head office	Operation during the period	Proportion of beneficial interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Aquila Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	No. 6 Road 4A, An Phu An Khanh Area, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Lyra Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	154/30/16 Pham Van Hai, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Vega Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	22 Road 63, Area 1, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%
Vela Green Lotus Solar Electric Co., Ltd.	87/42/8 Road 27, An Nhon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	Electricity generation	-	46.06%	-	100%

5c. List of associates accounted for in the Interim Consolidated Financial Statements by using the equity method

Name	Address of head office	Operation during the year	Proportion of ownership interest		Proportion of voting rights	
			Ending balance	Beginning balance	Ending balance	Beginning balance
Dong Hai Wind Power JSC.	Apartment PG1-10, Vincom Quarter, Group 3, Tra Vinh Ward, Vinh Long Province, Vietnam	The main activities during the period were project investment and advances to individuals for project implementation.	36.00%	36.00%	36.00%	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment JSC. ("108TT") (Associate until 30 June 2026)	No. 645/9/15, Quang Trung Road, Cam Thanh Ward, Quang Ngai Province, Vietnam	The main activity during the period was the continued investment in a real estate project	-	30.125%	-	30.125%

6. Number of employees

As at 30 June 2026, the Group had 66 employees (as at 1 January 2026: 61 employees).

7. Statement on information comparability in the Interim Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to those of the current period.

During the period, the Group applied for the first time for Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 issued by the Ministry of Finance ("Circular 99"), which replaces Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 200") on guidelines for the Vietnamese Enterprise Accounting System, and Circular No. 43/2026/TT-BTC dated 20 April 2026 issued by the Ministry of Finance ("Circular 43") amending and supplementing Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 202") giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements. Accordingly, certain items in the Interim Consolidated Financial Statements have been reclassified and renamed in accordance with the new regulations. The figures in the "Beginning balance" and "Previous period" columns of the Interim Consolidated Financial Statements have been restated in accordance with the new classifications and terminology set out in Circular 99 and Circular 43 to ensure comparability. These changes do not affect the Group's total assets, total liabilities, owners' equity or profit after tax.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

8. Other information

The Parent Company's shares have been listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under the stock code "TEG" pursuant to Decision No. 497/QĐ-SGDHCM dated 28 December 2017 issued by the Ho Chi Minh City Stock Exchange. The first date of transaction was 9 March 2018. The number of listed shares at the end of the accounting period was 120,806,562 shares, with a face value of VND 10,000 per share.

II. ACCOUNTING PERIOD, ACCOUNTING CURRENCY

1. Accounting period

The Group's accounting period begins on 01 January and ends on 31 December annually.

2. Accounting currency

The accounting currency is the Vietnamese Dong (VND), as transactions are primarily conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Applicable Accounting System

The Group applies Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System issued pursuant to Circular No. 99/2025/TT-BTC dated 27 October 2025 ("Circular 99"), The methods for the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements are issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 ("Circular 202") and amended and supplemented by Circular No. 43/2026/TT-BTC dated 20 April 2026 of the Ministry of Finance ("Circular 43"), as well as the Ministry of Finance's guiding circulars giving guidance on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

Adoption of the New Enterprise Accounting System

The fiscal year ended 31 December 2026 is the first year in which the Group adopts the Enterprise Accounting System under Circular 99, replacing Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014.

The transition to Circular 99 is carried out using the following methods:

- For changes in accounting policies for which Circular 99 provides specific transition guidance, the Group follows that guidance.
- For changes in accounting policies for which Circular 99 does not require retrospective or simplified retrospective adjustment, the Group applies the non-retrospective method.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Company's Executive Officers ensure the compliance with all the requirements of Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System issued under Circular 99, the methods for the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements are issued under Circular 202 and amended and supplemented by Circular 43, as well as the Ministry of Finance's circulars giving guidance on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

The Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis accounting (except for information related to cash flows), in accordance with the historical cost convention and on the going-concern basis.

The Interim Consolidated Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Interim Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Interim Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Basis of consolidation

The Interim Consolidated Financial Statements include the Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares at the end of the accounting period shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Interim Consolidated Statement of Income from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiary's accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiary's Financial Statements before they are used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the Statement of Financial Position and intra-group transactions and unrealized intra-group gains resulting from these transactions are eliminated when preparing the Interim Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's operating results and net assets that are not held by the Group and are presented in a specific item in the Interim Consolidated Statement of Income and the Interim Consolidated Statement of Financial Position (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in the subsidiary are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiary, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiary.

3. Foreign currency transactions

Foreign currency transactions are translated at the actual exchange rate on the date of transaction. The ending balances of monetary items in foreign currencies at the end of the accounting period (excluding foreign currency-denominated accounts receivable for which an allowance for doubtful debts has been established) are revalued at the average transfer exchange rate of the Bank (where the Group frequently conducts transactions) (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

4. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand, demand deposits and cash in transit. Cash equivalents are short-term investments with maturities not exceeding 3 months from the date of investment that are readily convertible into known amounts of cash and are subject to an insignificant risk of change in value at the end of the accounting period. Cash and cash equivalents subject to restrictions on use are not presented under this line item but are presented under "Other Current Assets" or "Other Non-Current Assets", depending on the duration of the restriction.

5. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments when the Group has the intent and ability to hold them until the maturity date. Held-to-maturity investments comprise only loans held to maturity for the purpose of earning periodic interest.

A provision for impairment of held-to-maturity investments is recognized when there is evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the amount of the loss can be reliably measured. Increases or decreases in provisions for impairment of held-to-maturity investments at the end of the accounting period are recognized in "Financial expenses".

Investments in associates

Associate

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making decisions on the associate's financial and operating policies but does not control those policies.

Investments in associates are recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Interim Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of associates are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Interim Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of associates.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Interim Consolidated Financial Statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at cost, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable costs (transaction costs, brokerage fees, consulting fees, audit fees, duties, taxes, and bank charges, etc.). Specifically, when the Group borrows funds to invest in the equity instruments of other entities, interest expenses are recognized as financial expenses and are not capitalized. Where an investment is made using non-monetary assets, the cost of the investment is measured at the fair value of the non-monetary assets at the transaction date. Subsequent to initial recognition, these investments are carried at cost.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Dividends and profit distributions of the previous periods prior to the acquisition of the investment are deducted from the cost of the investment. Dividends and profit distributions of the periods after the acquisition date are recognized as financial income. Stock dividends received are tracked only in terms of the additional number of shares received, and the value of such shares is not recognized as income.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or investments where the fair value can be reliably measured, provisions are established based on the market value of the shares.
- For investments where fair value cannot be determined at the reporting date, provisions are established based on the losses incurred by the investees, with the amount calculated as the Group's ownership interest in each investee's actual contributed charter capital at the end of the accounting period, multiplied by the difference between the investee's actual contributed charter capital and its owners' equity at the same date.

Increases or decreases in provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities at the end of the accounting period are recognized in "Financial expenses".

6. Receivables

Receivables are presented at their carrying amount less allowance for doubtful debts.

Receivables are classified as trade receivables or other receivables based on the following principles:

- Trade receivables represent amounts of a commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers that are independent of the Company.
- Other receivables represent amounts of a non-commercial nature that do not arise from purchase and sale transactions.

Receivables are tracked in detail by debtor, maturity, and original currency.

Trade receivables and other receivables are classified as short-term or long-term in the Statement of Financial Position based on their remaining maturity at the end of the accounting period.

An allowance for doubtful debts is made for each doubtful receivable after offsetting against the corresponding payable, if any. The amount of the allowance is determined based on the ageing of overdue receivables or the estimated loss that may be incurred, as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the receivable amount overdue from 6 months to less than 1 year;
 - 50% of the receivable amount overdue from 1 year to less than 2 years;
 - 70% of the receivable amount overdue from 2 years to less than 3 years; and
 - 100% of the receivable amount overdue from 3 years or more.
- For receivables that are not yet overdue but are considered unlikely to be recovered, the allowance is made based on the estimated loss.

Increases or decreases in allowance for doubtful debts at the end of the accounting period are recognized in "General and administration expenses".

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

7. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

The Group's inventories comprise only the work in progress costs relating to real estate projects in which the Group is the investor. Work in progress costs include costs directly attributable to the investment in the project and costs eligible for capitalization into the project's value.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

An allowance for devaluation of inventories is made for each inventory item or work-in-progress service whose original costs exceed its net realizable value. Increases or decreases in the allowance at the end of the accounting period are recognized in "Costs of sales".

8. Deferred expenses

Deferred expenses represent actual expenses incurred, including both prepaid and non-prepaid expenses, that relate to the results of production and business activities over multiple accounting periods and are allocated to the production and business expenses of the relevant accounting periods.

Deferred expenses are classified in the Statement of Financial Position as short-term when the allocation period does not exceed 12 months or falls within one normal operating cycle, and as long-term when the allocation period exceeds 12 months or is longer than one normal operating cycle. Long-term deferred expenses are not reclassified as short-term deferred expenses when preparing the Financial Statements.

Allocation for deferred expenses to production and business expenses is performed for each period based on the nature and extent of each type of expense to select the appropriate allocation method and criteria.

The Group's prepaid expenses consist primarily of interest support expenses for customers taking out bank loans to pay for the purchase of property, with the support period ranging from 18 to 24 months; these are recognized in the profit or loss for the accounting period when the flats are handed over and revenue is recognized.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at historical costs less accumulated depreciation.

The historical costs of a tangible fixed asset include all costs incurred by the Group to acquire the asset up to the date it is ready for use.

Subsequent expenditures are capitalized as part of the cost of fixed assets only when it can be clearly demonstrated that the expenditures will result in future economic benefits expected to flow to the entity from the use of such assets. Those that do not meet these criteria are recognized as operating expenses during the period in which they are incurred. For fixed assets that require periodic repairs and maintenance in accordance with technical requirements, significant periodic repair and maintenance costs are recognized as deferred expenses and amortized to production and operating expenses until the next scheduled repair and maintenance.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

When a tangible fixed asset is sold or disposed of, its historical costs and accumulated depreciation are written off, and any gain or loss arising from disposal is recognized in profit or loss during the period.

Tangible fixed assets are depreciated on a straight-line basis over their estimated useful lives. The useful lives and depreciation methods are reviewed at least at the end of each fiscal year and adjusted if necessary. The number of years for various classes of tangible fixed assets are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Number of years</u>
Machinery and equipment	3 – 20
Means of transportation	10
Office equipment	3

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress represents costs directly attributable to assets under construction and machinery and equipment under installation, including borrowing costs capitalized in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 - Borrowing Costs ("VAS 16"). Assets in the progress of construction and installation are stated at cost and are not depreciated until construction or installation is completed and the assets are handed over and put in use. Upon completion, all costs are transferred to the appropriate asset category based on their actual intended use, including tangible fixed assets, intangible fixed assets, investment properties or inventories, and depreciation or amortization commences when the assets are put in use.

Expenses for upgrades and renovations of fixed assets currently in progress are accounted for separately and, upon completion, are added to the historical costs of the corresponding fixed assets.

Routine repair and maintenance costs incurred periodically to maintain fixed assets in normal operating condition are recognized as production and operating expenses during the period in which they are incurred. For fixed assets that require periodic repairs and maintenance in accordance with technical requirements, the related costs are accumulated separately. Upon completion, such costs are transferred to deferred expenses and amortized to production and operating expenses until the next scheduled maintenance.

11. Business combinations and goodwill

The business combination is accounted for using the purchase method. Costs of business combination include the fair value at the date of exchange, of assets given, liabilities incurred or assumed, and equity instruments issued by the Group in exchange for control of the acquiree plus any costs directly attributable to the business combination. The assets acquired, identifiable liabilities and contingent liabilities in a business combination are recognized at fair value as of the date of obtaining control.

For a business combination achieved in stages, the costs of the business combination include the consideration transferred at the date of obtaining control of the subsidiary and the previous consideration transferred which have been revaluated at fair value on the above-mentioned date. The difference between the investment's revaluated cost and its historical cost is recognized as the profit or loss if before the date of obtaining control, the Group does not have a significant influence on the investee, and the investment is accounted for using the cost method. If before the date of obtaining control, the Group has a significant influence on the investee, and the investment is accounted for using the equity method, the difference between the investment's revaluated cost and its value under the equity method is recognized into the profit or loss, and the difference between its value under the equity method and its historical cost is recognized directly into "Retained earnings" in the Interim Consolidated Statement of Financial Position.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The excess of the business combination cost over the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities at the date of obtaining control of the subsidiary is recorded as goodwill. If the Group's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities at the date of obtaining control of the subsidiary exceeds the cost of the business combination, the difference is recorded in the Interim Consolidated Statement of Income.

Goodwill is amortized over 120 months on a straight-line basis. If there are indicators that the goodwill is impaired with the impairment loss exceeds the annually allocated amount, the higher amount will be recorded in the Interim Consolidated Statement of Income.

Non-controlling interests at the date of initial business combination are determined on the basis of the non-controlling shareholders' ownership in the net fair value of assets, liabilities and contingent liabilities recognized.

12. Business cooperation contract ("BCC")

A business cooperation contract ("BCC") is a contractual arrangement between two or more parties to jointly undertake an economic activity without establishing a separate legal entity. The accounting method applied is determined based on the substance of each contract, particularly whether joint control exists. Joint control exists when decisions about the relevant activities of the BCC require the unanimous consent of all parties sharing control, regardless of their capital contribution ratios or the legal form of the contract.

In all cases, when the Group is the party receiving cash or other assets contributed by the other parties to the BCC, the amounts received are recognized as liabilities and are not recognized as equity.

The Group's BCCs comprise only BCCs without joint control, in which the Group is a capital contributor and is entitled to benefits based on the after-tax profits of the BCCs. These BCC capital contributions are recognized as financial investments and classified as either short-term or long-term based on its remaining term at the end of the accounting period. Profit distributions from the BCC are recognized as financial income when the Group's right to receive such distributions is established. A provision for impairment losses, if any, is recognized in accordance with the requirements applicable to provisions for impairment losses on investments in other entities. (see Note IV.3).

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future in respect of goods and services received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of the amounts payable.

Payables are classified as trade payables, accrued expenses or other payables based on the following principles:

- Trade payables represent payables of a commercial nature arising from purchases of merchandise, services and assets from suppliers that are independent of the Group.
- Accrued expenses represent amounts payable for goods and services received from suppliers or provided to customers during the period but not yet paid because the supporting accounting documents and records are not yet complete; amounts payable to employees for vacation pay; and other operating expenses to be accrued, such as expenses incurred during seasonal production shutdowns and accrued interest expenses.
- Other payables represent payables of a non-commercial nature that do not arise from purchases, sales or the provision of merchandise and services.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Payables and accrued expenses are classified as current and non-current in the Statement of Interim Consolidated Financial Position based on their remaining settlement periods at the end of the accounting period.

14. Payable for dividends and profit distributions

Dividends are recognized as payables when the Group has no discretion to avoid the obligation to pay dividends to shareholders in accordance with securities laws and the Company's Charter.

15. Unearned revenue

Unearned revenue comprises: amounts paid in advance by customers for one or more accounting periods in respect of the leasing of assets; revenue corresponding to the value of merchandise, services or discounts granted to customers under traditional customer programs; grants received from the State or other parties relating to assets or income and subject to conditions...

Unearned revenue does not include advance payments received from buyers for which the Group has not yet supplied products, merchandise or services; nor does it include revenue from leasing assets or the provision of multi-period services for which payment has not yet been received.

16. Owners' equity

Owners' contribution capital

Owners' contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Capital surplus

Capital surplus is recognized including:

- The difference between the issuance price and the par value of shares upon an initial public offering or an additional issue.
- The difference between the repurchase price and the re-issuance price of the Company's treasury shares.
- The excess of the principal component of convertible bonds over the par value of the additional shares issued upon conversion, together with the entire value of the conversion option transferred to capital surplus, regardless of whether the bondholders exercise the conversion option.
- The difference between the actual amount of capital contributed and the amount of capital stated in the Company's Charter.

Direct costs attributable to a successful share issuance are deducted from capital surplus. Costs of an unsuccessful share issuance are recognized as financial expenses during the period.

17. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation to funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The profit distribution to the shareholders takes into account non-monetary items included in retained earnings after tax that may affect cash flows and the ability to pay dividends, such as: gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

18. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when the Group satisfies its performance obligation under the contract and all of the following conditions are satisfied:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

- Revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services rendered under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered;
- It is probable that the economic benefits associated with the rendering of services will flow to the Company;
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably; and
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion at the end of the accounting period.

Revenue from sales of electricity

Revenue from the sale of electricity is recognized on the basis of records confirming the volume of electricity fed into the national grid at the unit price specified in the economic contracts signed with member units of the Electricity Corporation.

Interest income

Interest income is recognized on a time-proportion basis using the effective interest rate for each period.

19. Borrowing costs

Borrowing costs include interest expenses and other expenses incurred directly in connection with the borrowings.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred, unless they qualify for capitalization.

Borrowing costs directly related to the construction or production of qualifying assets that take a substantial period of time (more than 12 months) to be ready for their intended use or for sale are capitalized as part of the asset's cost when the entity is certain to derive future economic benefits from the asset and the borrowing costs can be reliably measured.

The capitalization of borrowing costs begins when all three of the following conditions are met simultaneously:

- Costs related to the construction or production of the asset have been incurred;
- Borrowing costs have been incurred; and
- The activities necessary to prepare the assets for its intended use or sale are in progress.

Capitalization is suspended during periods when the construction or production process is abnormally interrupted. Capitalization ceases when the major activities necessary to prepare the asset for use or sale have been completed.

For borrowings made specifically for the construction or production of a qualifying asset, the amount of borrowing costs eligible for capitalization is the actual borrowing costs incurred, less any investment income earned on the temporary investment of such borrowings.

For general borrowings used for the construction or production of a qualifying asset, the amount of borrowing costs eligible for capitalization is determined by applying a capitalization rate to the weighted average of expenditures incurred on that asset. The capitalization rate is the weighted-average borrowing cost applicable to the outstanding general borrowings during the period, excluding borrowings made specifically for the purpose of obtaining a qualifying asset.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

20. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits and are recognized when transactions occur or when it is probable that they will arise in the future, regardless of whether payment has been made. Expenses are recognized even when they are not yet due for payment, provided that it is probable that they will be incurred, in order to comply with the principles of prudence and capital maintenance.

When the Group recognizes revenue, it also recognizes the corresponding expenses incurred in generating that revenue. Such expenses include expenses incurred during the period in which the revenue is generated, expenses incurred in prior periods, and accrued expenses attributable to the revenue of that period. When the matching principle conflicts with the principle of prudence, expenses are recognized based on the substance of the transaction and the Vietnamese Accounting Standards to ensure that the transaction is presented faithfully and fairly.

21. Corporate income tax

The Group's corporate income tax accounting policy is applied in accordance with Corporate Income Tax Law No. 67/2025/QH15 dated 14 June 2025, Decree No. 320/2025/ND-CP dated 15 December 2025 issued by the Government, providing detailed guidance on the implementation of certain articles of the Corporate Income Tax Law, relevant guidance issued by the Ministry of Finance, and other applicable laws and regulations.

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current corporate income tax

Current income tax expense is the amount of corporate income tax payable calculated based on taxable income for the year and the current corporate income tax rate. The difference between taxable income and accounting profit results from adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, non-deductible expenses, non-taxable income, and tax losses carried forward.

Each quarter, the Group determines and records the estimated corporate income tax payable based on its provisional corporate income tax return. At the end of the accounting period, the Group determines the actual corporate income tax payable based on its annual corporate income tax finalization return and adjusts for any differences from the amounts provisionally recorded during the year.

Deferred income tax

Deferred income tax represents corporate income tax payable or recoverable in future periods as a result of temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and their respective tax bases.

Deferred income tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except those arising from the initial recognition of an asset or a liability in a transaction that, at the time of the transaction, affects neither accounting profit nor taxable income.

Deferred income tax assets are recognized for all deductible temporary differences to the extent that it is probable that sufficient future taxable profits will be available against which such temporary differences can be utilized. Deferred tax assets are also recognized for unused tax losses and unused tax credits to the extent that sufficient future taxable profits will be available against which they can be utilized. Deferred tax assets and deferred tax liabilities arising from transactions recognized directly in equity are not recognized in deferred corporate income tax expense.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at the end of each accounting period and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profits will be available to allow all or part of the deferred tax assets to be recovered.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are measured at the tax rates expected to apply in the financial year in which the assets are recovered or the liabilities are settled, based on the tax rates and tax laws enacted at the end of the accounting period.

When preparing the Statements of Financial Position, deferred income tax assets and deferred income tax liabilities shall be offset when:

- The Group has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- The deferred tax assets and deferred tax liabilities relate to corporate income taxes levied by the same taxation authority:
 - For the same taxable entity; or
 - The Group intends to settle current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis, or to recover the tax assets and settle the tax liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are settled or recovered.

22. Related parties

Parties are considered to be related when one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered to be related when they are subject to common control.

Related parties of the Group include:

- Institutional shareholders with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Group, the subsidiaries and associates of such shareholders.
- The Group's associates.
- Individuals with direct or indirect voting rights that result in significant influence over the Company, including the members of Board of Directors and their close family members.
- Key management personnel with the authority and responsibility to plan, direct, and control the Company's operations, including key management personnel, and their close family members.
- Enterprises in which individuals belonging to the above groups directly or indirectly hold a sufficiently large voting interest to exercise significant influence over those enterprises, including enterprises owned by key management personnel or major shareholders of the Company and enterprises that have key management personnel in common with the Company.

Close family members of an individual are those who can influence or be influenced by that individual when transacting with the Group, including their parents, spouse, children, and siblings.

Transactions between related parties are transfers of resources or obligations between such parties, regardless of whether they involve consideration.

In considering related party relationships, the substance of the relationship is given greater consideration than its legal form.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

23. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in producing or providing an individual product or service, or a group of related products or services, and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in producing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of business segments operating in other economic environments.

The nature of risks and returns is the primary basis for determining whether the primary segment reporting format is based on business segments or geographical segments. If risks and rates of return are affected mainly by differences in products and services, the primary segment reporting format is based on business segments and the secondary segment reporting format is based on geographical segments. Conversely, if risks and rates of return are affected mainly by differences in geographical areas, the primary segment reporting format is based on geographical segments and the secondary segment reporting format is based on business segments. The Group's organizational and management structure and internal financial reporting system are the principal basis for determining the primary and secondary segment reporting formats.

A segment is required to be reported if the majority of its revenue is derived from sales of merchandise and rendering of services to external customers and it meets at least one of the following thresholds:

- The segment's revenue accounts for 10% or more of the total revenue of all segments; or
- The segment result accounts for 10% or more of the combined results of all profitable segments or the combined losses of all loss-making segments, whichever is greater in absolute amount; or
- The segment's total assets account for 10% or more of the total assets of all segments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

1. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents held by the Group that are not subject to restrictions on use, comprising:

	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	5,972,146	23,572,146
Demand deposits	3,677,495,790	4,801,516,840
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	3,575,904,009	3,143,252,323
- Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	-	1,072,380,762
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	68,555,525	506,184,163
- Other banks and organizations	33,036,256	79,699,592
Cash equivalents	-	2,750,000,000
- 3-month term deposits at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	-	2,750,000,000
Total	3,683,467,936	7,575,088,986

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

2. Financial investments**2a. Short-term held-to-maturity investments**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
<i>Term deposits</i>	-	-	2,084,000,000	-
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	-	-	2,084,000,000	-
<i>Loans to related parties</i>	103,904,284,928	-	15,869,082,188	-
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	16,036,838,352	-	15,869,082,188	-
- Principal	14,875,000,000	-	15,270,000,000	-
- Interest	1,161,838,352	-	599,082,188	-
Truong Thanh Land Group JSC.	51,528,219,178	-	-	-
- Principal	51,500,000,000	-	-	-
- Interest	28,219,178	-	-	-
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	36,339,227,398	-	-	-
- Principal	36,100,000,000	-	-	-
- Interest	239,227,398	-	-	-
<i>Loans given to other organizations and individuals</i>	176,285,837,166	-	171,949,248,564	-
Mr. Duong Anh Nam	20,257,589,041	-	19,364,000,000	-
- Principal	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
- Interest	2,257,589,041	-	1,364,000,000	-
Mr. Le Vu Dung	18,144,202,741	-	17,300,693,151	-
- Principal	17,010,000,000	-	17,010,000,000	-
- Interest	1,134,202,741	-	290,693,151	-
Mr. Vu Bao Long	47,942,953,973	-	45,961,871,781	-
- Principal	39,950,000,000	-	39,950,000,000	-
- Interest	7,992,953,973	-	6,011,871,781	-
Viet My Industrial Investment and Construction JSC.	37,340,111,780	-	35,678,315,068	-
- Principal	32,740,000,000	-	32,740,000,000	-
- Interest	4,600,111,780	-	2,938,315,068	-
Dong Duong Thang Long Investment and Construction JSC.	52,600,979,631	-	53,644,368,564	-
- Original	39,178,000,000	-	42,600,000,000	-
- Interest	13,422,979,631	-	11,044,368,564	-
Total	280,190,122,094	-	189,902,330,752	-

Further information on the loans is as follows:

Borrower	Agreement/Purpose	Loan term	Interest rate per annum	Collateral
Ms. Dang Thi Phuong Hoa	Agreement dated 26 December 2023, for investment purposes	12 months, renewable until 5 July 2027	10%	Guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party)
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	Agreement dated 21 May 2026 for the	12 months, maturing on 20 May 2027	6%	No collaterals

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Borrower	Agreement/Purpose	Loan term	Interest rate per annum	Collateral
	purpose of supplementing the borrower's working capital			
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	Agreement dated 4 June 2026, for the purpose of supplementing the borrower's working capital	12 months, maturing on 4 June 2027	14%	No collaterals
Truong Thanh Land Group JSC.	Agreement dated 29 June 2026, for the purpose of supplementing the borrower's working capital	12 months, maturing on 29 June 2027	10%	Guaranteed by Truong Thanh Vietnam Group Joint Stock Company (a related party)
Mr. Duong Anh Nam	Agreement dated 6 March 2024, for investment purposes	12 months, renewable until 6 March 2027	8% – 12%	1,800,000 shares held by Mr. Tran Kim Tuyen in Nam Minh JSC.
Mr. Le Vu Dung	Agreement dated 27 October 2025, for investment purposes	1 year, maturing on 27 October 2026	10%	Guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC (a related party)
Mr. Vu Bao Long	Agreement dated 27 May 2024, for investment purposes	6 months; renewable within 12 months until 30 November 2026	10%	Guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party)
Viet My Industrial Investment and Construction JSC.	Agreement dated 2 January 2025, for the purpose of supplementing the Borrower's working capital	1 year, renewable within 12 months until 3 January 2027	10% – 12%	Guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party)
Dong Duong Thang Long Investment and Construction JSC. (a capital contributor Onsen Hoi Van)	Agreement dated 8 December 2021, for the purpose of supplementing the borrower's working capital	3 months from the date of disbursement, renewable upon expiry provided both parties still have a need for borrowings and loans given	12%	Guaranteed by the borrower's entire capital contribution to the lender (Onsen Hoi Van), equivalent to VND 60 billion; and 5,000,000 shares held by Ms. Dang Thu Trang (a related party of the Group) in Truong Thanh Land Group JSC.

Recoverable value

For term deposits, the recoverable value is determined at original costs.

The Group assesses the recoverable value of loans based on the borrower's ability to repay, the repayment term and the relevant collateral.

Provision for held-to-maturity investments

The Group assesses that these loans are fully recoverable and no additional provisions for impairment are made.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**2b. Investments in associates**

	Dong Hai Wind Power JSC.	108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Total
<i>Ending balance</i>			
Original costs	162,000,000,000	-	162,000,000,000
Profit/(loss) after investment date	(127,494,808)	-	(127,494,808)
Total	161,872,505,192	-	161,872,505,192
<i>Beginning balance</i>			
Original costs	162,000,000,000	39,652,700,000	201,652,700,000
Profit/(loss) after investment date	(127,494,808)	10,990,643,427	10,863,148,619
Total	161,872,505,192	50,643,343,427	212,515,848,619

Details of the number of shares held by the Group and the corresponding proportion of ownership interest are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Number shares	Proportion of ownership interest (%)	Number shares	Proportion of ownership interest (%)
Dong Hai Wind Power JSC.	16,200,000	36.00%	16,200,000	36.00%
108 Truong Thanh Construction Investment JSC. (*)	-	-	2,410,000	30.125%

(*) Pursuant to Board of Directors' Resolution No. 09/2026/ND-HDQT dated 26 June 2026, the Parent Company transferred 2,410,000 shares in 108 Truong Thanh Construction Investment JSC. (hereinafter referred to as "108 Truong Thanh shares") to Mr. Do Van Quang at a consideration receivable of VND 55,791,500,000 (VND 23,150 per share), resulting in a profit of VND 5,188,932,976 (see Note VI.3). Following this transaction, the Group no longer holds any shares in 108 Truong Thanh Joint Stock Company.

As at the end of the accounting period, the Group had completed the procedures for transferring ownership of the shares to the buyer.

The value of the Group's ownership in the associate is as follows:

	Dong Hai Wind Power JSC. (*)	108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Total
Beginning balance	161,872,505,192	50,643,343,427	212,515,848,619
Profit/(loss) during the period	-	(40,776,403)	(40,776,403)
Value of transfers during the period	-	(50,602,567,024)	(50,602,567,024)
Ending balance	161,872,505,192	-	161,872,505,192

(*) Dong Hai Wind Power JSC has not prepared the Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026.

Operation of associates

The associates are currently in the process of capital investment for construction and has not yet commenced production or business operations.

Transactions with associates

See Note VIII.1b.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**2c. Investments in other entities**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Huong Hoa Holding JSC.	40,249,990,000	(8,970,520,247)	40,249,990,000	(8,970,520,247)
Phu Yen TTP JSC.	73,621,035,901	-	73,621,035,901	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	300,689,580,000	(17,006,873,774)	300,689,580,000	(17,006,873,774)
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC.	47,256,000,000	-	45,000,000,000	-
Total	476,816,605,901	(25,977,394,021)	474,560,605,901	(25,977,394,021)

Details of the number of shares held by the Group and the corresponding proportion of ownership interest are as follows:

	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares/amount of capital contribution	Proportion of ownership interest (%)	Number of shares/amount of capital contribution	Proportion of ownership interest (%)
Huong Hoa Holding JSC.	4,024,999	19.99%	4,024,999	19.99%
Phu Yen TTP JSC.	5,765,599	4.99%	5,765,599	4.99%
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	1,500,000	15.00%	1,500,000	15.00%
Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC.	15,034,479	19.99%	15,034,479	19.99%
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC. (*)	VND 47.256 billion		VND 45 billion	

(*) Pursuant to BCC dated 3 December 2025 with Duyen Tra Investment Development JSC. ("Duyen Tra"), the Company undertakes to contribute VND 90,000,000,000 towards the joint development of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project (V3-3 extension site) in Dong Hai Commune, Vinh Long Province, for a cooperation term of 5 years. The cooperation contribution is guaranteed by all the lawful assets of Truong Thanh Viet Nam Group JSC. BCC is managed and operated by Duyen Tra; the Parent Company does not have the right to control and is entitled to a share of BCC's profit after tax. The Parent Company's proportion of capital contribution to the project will be agreed upon by the parties once the total investment value of the project has been approved by the competent authorities.

At the reporting date, this BCC was in the survey and research phase and had not yet commenced production or business operations.

Recoverable value

The Group has not yet determined the recoverable value of its unlisted investments, as there are no specific guidelines on determining the recoverable value.

Operation of the companies in which the Group has invested

Apart from Phu Yen TTP JSC. and Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC., which are in normal operation with their principal business activities being electricity generation and sale, the remaining entities are all in the investment phase and have not yet generated any operating results.

Provisions for investments in other entities

Fluctuations in provisions for investments in other entities are as follows:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Current period	Previous period
Beginning balance	25,977,394,021	7,245,651,761
Additional provision during the period	-	2,348,173,355
Ending balance	25,977,394,021	9,593,825,116

Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC. have not prepared Interim Financial Statements for the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026. Consequently, the Group had not yet had sufficient information to estimate the provision at the end of the accounting period. This is a significant accounting estimate and may change once the Group has sufficient information.

Commitments to contribute capital

	Total capital contributed as committed	Amount to be contributed as at 30 June 2026	Notes
Truong Thanh GIP Investment, Construction and Electricity Distribution Joint Stock Company	2,525,000,000	2,474,500,000	Contribution in line with GIP's capital raising schedule
BCC with Duyen Tra Investment Development JSC.	90,000,000,000	42,744,000,000	Contribution in line with the progress of the Dong Hai 3 Wind Power Plant Project

3. Short-term trade receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Book value	Allowance	Book value	Allowance
<i>Receivables from related parties for merchandise and services rendered</i>	10,646,615,609	-	8,297,164,619	-
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	5,452,291,892	-	5,452,291,892	-
Truong Thanh Land Group JSC.	-	-	300,000,000	-
Phu Yen TTP JSC.	5,089,745,455	-	2,544,872,727	-
Dong Hai Wind Power JSC.	104,578,262	-	-	-
<i>Receivables from related parties for the transfer of shares</i>	11,200,000,000	-	45,800,000,000	-
Truong Thanh Land Group JSC. ⁽ⁱ⁾	-	-	34,600,000,000	-
Mr. Le Hoang Bao ⁽ⁱⁱ⁾	11,200,000,000	-	11,200,000,000	-
<i>Receivables from other customers for the transfer of shares ⁽ⁱ⁾</i>	339,451,014,669	-	305,145,561,018	-
Mr. Pham Tien Quan	26,712,000,018	-	29,187,000,018	-
Mr. Le Quoc Cuong	14,104,000,000	-	16,210,000,000	-
Mr. Cao Truong Cong Bac	117,883,036,000	-	117,883,036,000	-
Mr. Duong Dinh Tam	37,203,300,000	-	37,203,300,000	-
Mr. Nguyen Anh Tuan	59,112,225,000	-	59,112,225,000	-
Mr. Nguyen Tung Lam	45,550,000,000	-	45,550,000,000	-
Mr. Do Van Quang	37,171,500,000	-	-	-
Other customers	1,714,953,651	-	-	-
<i>Receivables from other customers</i>	-	-	1,187,678,759	-
Total	361,297,630,278	-	360,430,404,396	-

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

- (i) These represent receivables under Contract dated 30 December 2025 for the transfer of 108 Truong Thanh shares. During the period, Truong Thanh Land made an additional payment of VND 1,100,000,000 to the Company; the remaining amount was agreed by both parties to be converted into a loan given with effect from 29 June 2026 (see Note V.2a).
- (ii) These represent receivables from individuals for share transfer, details are as follows:

Name	Date of transfer agreement	Type of shares transferred	Payment deadline
Mr. Le Hoang Bao	5 June 2024	2,000,000 shares of 108 Truong Thanh	Within 90 days of the date of signing the contract; extended to no later than 6 July 2027
Mr. Pham Tien Quan	25 December 2024	3,800,000 shares in Truong Thanh Binh Dinh JSC.	Within 9 months from the date of signing the contract; extended to no later than 25 September 2026
Mr. Le Quoc Cuong	26 June 2025	950,000 shares in 108 Truong Thanh	Within 300 days from the date of signing the contract; extended to no later than 22 April 2027
Mr. Cao Truong Cong Bac	1 May 2024	17,280,000 shares in TTP Phu My JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended to no later than 27 November 2026
Mr. Duong Dinh Tam	12 March 2024	5,000,000 shares in Le Thuy Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended to no later than 8 September 2026
Mr. Nguyen Anh Tuan	6 June 2024	9,800,000 shares in Ky Son Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended to no later than 3 December 2026
Mr. Nguyen Tung Lam	12 March 2024	5,000,000 shares in Le Thuy Solar Power JSC.	Within 180 days from the date of signing the contract; extended to no later than 8 September 2026
Mr. Do Van Quang	26 June 2026	2,410,000 shares in 108 Truong Thanh	Within 12 months from the date the contract comes into effect.

These receivables are secured by the entire number of shares sold until the purchaser has fulfilled their payment obligations to the Group.

From 1 July 2026 until the date of preparation of the Interim Consolidated Financial Statements, customers who purchased shares have paid the Group VND 200,000,000.

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
<i>Prepayments to related parties</i>	<i>136,307,021,075</i>	<i>89,078,885,284</i>
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. ("TTVN") ⁽ⁱ⁾	41,230,000,000	41,230,000,000
Truong Thanh Land Group JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	95,077,021,075	47,848,885,284
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<i>7,881,919,374</i>	<i>6,857,887,174</i>
Total	144,188,940,449	95,936,772,458
<i>Of which:</i>	-	-
Prepayments for the acquisition of fixed assets and investment properties	-	-

- (i) This represents the prepayment under Contract dated 30 January 2024 to acquire 3,100,000 shares in Truong Thanh Energy JSC. ("TTP"). At the reporting date, these shares had not yet been released from pledge by B.Grimm; TTVN and B.Grimm are continuing to work on the release from pledge and the sale of shares to the Company, but have not yet reached a final agreement.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

- (ii) This represents the prepayment under General Contractor Framework Agreement dated 28 May 2023 to carry out construction works for the Hoi Van Hot Spring Resort, Health Care and Residential Quarter Project (Note V.6). The project commenced on 6 September 2023 and is expected to be completed in the third quarter of 2027.

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Book value	Allowance	Book value	Allowance
<i>Advance receivables from related parties</i>	74,334,821,133	-	77,891,208,633	-
Mr. Dang Tran Quyet ⁽ⁱ⁾	5,100,000,000	-	5,100,000,000	-
Ms. Dao Thi Thanh Hien ⁽ⁱⁱ⁾	3,362,144,000	-	3,365,000,000	-
Mr. Le Hoang Bao	57,677,133	-	3,611,208,633	-
Mr. Nguyen Anh Tuan ⁽ⁱⁱⁱ⁾	65,815,000,000	-	65,815,000,000	-
<i>Receivables from related parties – loan interest income on entrusted investment funds</i>	2,353,041,096	-	2,373,041,096	-
Mr. Vuong Thanh Nam	2,353,041,096	-	2,373,041,096	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	5,360,495,964	-	10,645,881,333	-
Advances	3,977,360,850	-	10,050,003,850	-
Deposits	20,560,000	-	21,110,000	-
1% CIT provisionally paid for the real estate sale contracts	1,092,115,593	-	499,307,962	-
Other short-term receivables	270,459,521	-	75,459,521	-
Total	82,048,358,193	-	90,910,131,062	-

- (i) These represent advances for project development to Mr. Dang Tran Quyet – Head of Project Development at TTP Tra Vinh JSC. – to support the Truong Thanh Wind Power Plant Project. The advances are expected to be repaid upon completion of the project.
- (ii) These represent advances to Ms. Dao Thi Thanh Hien for the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore waters of Duyen Hai District, Tra Vinh Province.
- (iii) These represent advances to Mr. Nguyen Anh Tuan for the Tra Vinh Wind Power Project in the offshore waters of Duyen Hai District, Tra Vinh Province.

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Book value	Allowance	Book value	Allowance
Mr. Vuong Thanh Nam (a related party) – Entrusted investment ^(*)	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Deposits	1,550,000	-	401,450,000	-
Total	30,001,550,000	-	30,401,450,000	-

(*) TTP Tra Vinh JSC. (the Subsidiary) has entrusted Mr. Vuong Thanh Nam, pursuant to the Agreement dated 29 June 2024, with the responsibility of purchasing 1,500,000 shares in Truong Thanh Land Group JSC. ("Truong Thanh Land"), at a purchase price of VND 24,000 per share. The term of the entrustment is 24 months. The entrusted investment agreement has been mutually agreed by the parties to be extended until 29 June 2028.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

On 1 July 2024, Mr. Nam signed a contract to acquire 1,500,000 shares in Truong Thanh Land from Ms. Dang Thu Trang (a related party of the Group), at a purchase price of VND 24,000 per share, with a total contract value of VND 36,000,000,000, with a payment term of two years from the date the contract comes into effect. The transfer of ownership of the shares from the Seller to the Buyer will take place once the Seller has been paid the full purchase price. At the reporting date, Mr. Nam had paid Ms. Trang the sum of VND 30,000,000,000.

6. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Hoi Van Resort Project ⁽ⁱ⁾	110,765,211,758	-	105,229,533,721	-
TTP Ngan Son Wind Power Plant Project ⁽ⁱⁱ⁾	1,682,403,843	-	1,682,403,843	-
Dong Hai 3 Wind Power Plant Project	-	-	194,444,445	-
LNG Thai Binh Thermal Power Plant Project – Phase 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2,617,269,509	-	-	-
Total	115,064,885,110	-	107,106,382,009	-

- ⁽ⁱ⁾ These represent construction in progress for the Commercial Housing Sub-zone within the Hoi Van Hot Spring Resort, Health Care and Residential Quarter Project in Cat Hiep Commune, Phu Cat District, Binh Dinh Province (the “Hoi Van Resort Project”), for which Onsen Hoi Van Limited Liability Company is the investor. The project has been approved in principle by the People’s Committee of Binh Dinh Province pursuant to Decision No. 4622/QĐ-UBND dated 19 November 2021, and the Department of Construction issued Document No. 986/SXD-QLN dated 8 August 2025 confirming that the future residential units of the project meet the conditions for sale. The commercial residential zone is expected to be completed and handed over in the third quarter of 2027.

All construction-in-progress for the project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company as collateral for a loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

Interest expenses are capitalized into work in progress for the period, totaling VND 3,443,692,676 (previous year: VND 2,821,617,226).

- ⁽ⁱⁱ⁾ These represent construction in progress for the TTP Ngan Son Wind Power Plant Project, for which Truong Thanh Energy JSC (a subsidiary) is the investor. The project has a total investment of VND 6,380.39 billion and is currently in the survey and feasibility assessment phase in preparation for the investment phase.
- ⁽ⁱⁱⁱ⁾ These represent expenses for site clearance compensation and land acquisition for Phase 2 of the Thai Binh LNG Thermal Power Plant project in Hung Yen Province, for which Truong Thanh Energy JSC is the subcontractor.

7. Long-term deferred expenses

	Ending balance	Beginning balance
Real estate brokerage expenses and customer interest support expenses	5,376,763,231	1,084,249,633
Other long-term deferred expenses	504,583,532	763,417,479
Total	5,881,346,763	1,847,667,112

8. Other current assets

This represents a 3-month term deposit at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (“BIDV”), with an interest rate of 4.5% per annum, which has been pledged to secure all of the Parent Company’s obligations to BIDV, including the guarantee obligation for

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

the performance of the Operation and Maintenance Service Contract for the Hoa Hoi Solar Power Plant with Phu Yen TTP JSC. - Phu Yen Branch until 30 June 2027.

At the end of the accounting period, the deposit had a principal balance and accrued interest income of VND 2,100,000,000 and VND 13,391,096, respectively (beginning balance: VND 2,100,000,000 and VND 12,686,301). The Board of Management assesses that this deposit will be released within 12 months of the end of the accounting period.

9. Tangible fixed assets

	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Total
<i>Historical costs</i>				
Beginning balance	94,414,795,906	10,466,412,096	141,255,051	105,022,463,053
New acquisition	-	137,535,000	-	137,535,000
Decrease due to divestment in a subsidiary	(94,414,795,906)	-	-	(94,414,795,906)
Liquidation and disposal (*)	-	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Ending balance	-	9,185,412,551	141,255,051	9,326,667,602
<i>Of which:</i>				
Assets fully depreciated but still in use	-	889,372,273	104,227,273	993,599,546
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-
<i>Depreciation</i>				
Beginning balance	24,630,714,870	4,680,039,299	111,393,939	29,422,148,108
Depreciation during the period	1,990,422,515	413,655,895	9,256,944	2,413,335,354
Decrease due to divestment in a subsidiary	(26,621,137,385)	-	-	(26,621,137,385)
Liquidation and disposal (*)	-	(1,418,534,545)	-	(1,418,534,545)
Ending balance	-	3,675,160,649	120,650,883	3,795,811,532
<i>Net book value</i>				
Beginning balance	69,784,081,036	5,786,372,797	29,861,112	75,600,314,945
Ending balance	-	5,510,251,902	20,604,168	5,530,856,070
<i>Of which:</i>				
Assets temporarily not in use	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-

(*) During the period, the Parent Company conducted liquidation of a Toyota Camry 2.5Q car, with historical cost of VND 1,418,534,545 and a carrying amount of VND 0; the liquidation price was VND 280,909,091.

At the end of the accounting period, the list of tangible fixed assets was as follows:

	Historical cost	Accumulated depreciation	Net book value
Mercedes GLS 450 car	5,700,105,278	(2,042,537,739)	3,657,567,539
Audi Q5 car	2,458,400,000	(737,520,012)	1,720,879,988
Toyota Innova 8-seater car	889,372,273	(889,372,273)	-
Other tangible fixed assets	278,790,051	(126,381,508)	152,408,543
Total	9,326,667,602	(3,795,811,532)	5,530,856,070

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)*Tangible fixed assets used as collateral*

At the end of the accounting period, the Mercedes GLS 450 and the Audi Q5 cars have been pledged as collateral for the Parent Company's bank loans (see Note V.16b).

10. Construction-in-progress

These represent the costs of construction in progress for the following projects:

	Tra Vinh Wind Power Plant ⁽ⁱ⁾	Hoi Van Resort Project ⁽ⁱⁱ⁾	Total
Beginning balance	640,070,876	193,222,240,797	193,862,311,673
Amount incurred during the period	-	9,755,823,212	9,755,823,212
Ending balance	640,070,876	202,978,064,009	203,618,134,885

(i) This represents the consulting fee for preparing Pre-feasibility Study Report for V4-1, V4-2, V4-3 Wind Power Plant Project in Tra Vinh Province.

(ii) These represent the construction investment costs for the Hoi Van Resort Project. The project was approved in principle by the People's Committee of Binh Dinh Province pursuant to Decision No. 4622/QĐ-UBND dated 19 November 2021, with a projected total investment of VND 726,911,000,000, and is expected to be completed in the third quarter of 2027.

Interest expenses are capitalized into the project's construction-in-progress costs for the period, totaling VND 6,384,197,382 (previous year: VND 3,828,477,088).

The entire construction cost of the project has been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (a subsidiary) as collateral for loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

11. Short-term trade payables

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to other suppliers</i>	5,830,802,928	5,791,613,111
Thien An Electric JSC.	1,738,800,000	2,268,000,000
Huy Hung Security Service JSC.	928,740,000	1,211,400,000
HT Vietnam Trade and Communication Services Co., Ltd.	937,181,000	1,022,410,000
Naniwa Issui Ryokan Limited	595,000,000	-
Other suppliers	1,631,081,928	1,289,803,111
Total	5,830,802,928	5,791,613,111
<i>Of which:</i>	-	-
Trade payables for the acquisition of fixed assets and investment properties	1,581,393,633	626,025,052

The Company has no overdue trade payables.

12. Advances from customers

	Ending balance	Beginning balance
<i>Advances from related parties</i>	15,343,245,320	9,730,648,187
Truong Thanh Land Group JSC. ⁽ⁱ⁾	4,600,000,000	4,600,000,000
Mr. Dang Tran Quyet ⁽ⁱⁱ⁾	2,457,259,127	766,648,640
Ms. Dang Thi Phuong Hoa ⁽ⁱⁱ⁾	2,826,913,958	881,638,760
Mr. Le Dinh Ngoc ⁽ⁱⁱ⁾	1,134,558,903	1,134,558,903
Mr. Mac Quang Huy ⁽ⁱⁱ⁾	1,257,560,536	820,813,699

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Ending balance	Beginning balance
Mr. Tran Tuan Phong ⁽ⁱⁱ⁾	537,718,905	537,718,905
Ms. Dao Thi Hong ⁽ⁱⁱ⁾	2,529,233,891	989,269,280
Advances from other customers	98,468,313,986	44,800,147,980
Mr. Dang Hong Linh ⁽ⁱⁱ⁾	5,001,343,073	5,462,047,780
Mr. Giap Van Hung ⁽ⁱⁱ⁾	5,275,935,954	4,540,439,009
Mr. Nguyen Hoang Quang ⁽ⁱⁱ⁾	6,273,183,150	2,932,805,100
Mr. Nguyen Van Do ⁽ⁱⁱ⁾	6,526,986,055	1,255,386,980
Ms. Pham Thuy Linh ⁽ⁱⁱ⁾	7,013,466,010	-
Mr. Tran Duc Dien ⁽ⁱⁱ⁾	5,008,191,872	1,563,113,080
Mr. Vuong Thanh Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5,162,043,924	200,000,000
Other customers ⁽ⁱⁱ⁾	58,207,163,948	28,846,356,031
Total	113,811,559,306	54,530,796,167

- (i) This represents the advance payment under the Consulting Contract dated 14 April 2025 between Truong Thanh Energy JSC.- Subsidiary) and Truong Thanh Land Group JSC ("Truong Thanh Land") for TTP to render compensation and site clearance services for Phase 02 – compensation, site clearance and Land Use Right Certificate issuance for the Thai Binh LNG Thermal Power Plant Project in Thai Do Commune, Thai Thuy District, Thai Binh Province. Total lump-sum value is VND 20 billion. The contract term is expected to be within 12 months from the date TTP receives the advances from Truong Thanh Land as stipulated in the Contract. From the date of the advance payment to the end of the accounting period, the cumulative total value of revenue from rendering of services accepted by Truong Thanh Land from TTP on a phased basis was VND 13.8 billion. The contract is currently undergoing final acceptance and is expected to be completed in September 2026.
- (ii) This represents the advance payment relates to the contract for the sale of residential properties in the Hoi Van Resort Project. The expected handover date for the residential properties between the Buyer and the Seller is the third quarter of 2027. All receivables arising from the Project have been pledged by Onsen Hoi Van Limited Liability Company (a subsidiary) as collateral for loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (see Note V.16b).

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance		Amount incurred during the period			Ending balance
	Payable	Receivable	Payable	Paid	Others (*)	Payable
VAT on local sales	1,270,667,866	158,668,235	312,426,226	(881,953,447)	158,668,235	701,140,645
Corporate income tax	3,195,245,219	-	4,772,475,714	(3,533,569,908)	(85,056,913)	4,349,094,112
Provisional corporate income tax on real estate transactions	499,307,962	-	592,807,631	(200,000,000)	-	892,115,593
Personal income tax	252,477,793	-	199,531,239	(305,110,169)	-	146,898,863
Total	5,217,698,840	158,668,235	5,877,240,810	(4,920,633,524)	73,611,322	6,089,249,213

(*) Change due to the discontinuation of business combination.

Value added tax ("VAT")

Companies within the Group have to pay VAT in accordance with the deduction method, at the tax rates of 8% and 10%.

Corporate income tax ("CIT")

Companies within the Group have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The CIT liabilities of companies within the Group are determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Authorities.

CIT provisionally paid of real estate contracts

The Group is requested to provisionally pay CIT at a rate of 1% on the amount received in advance from the real estate transfer activity. The Group will settle the CIT payable for this activity upon handover of the real estate.

Other taxes

The Group declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Accrued loan interest expenses	12,560,535,111	11,639,842,848
<i>Of which, accrued loan interest expenses relating to the acquisition and construction of fixed assets in progress</i>	329,728,822	317,399,093

15. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	310,000,000	310,000,000
Truong Thanh Viet Nam Group JSC. ("TTVN") ^(*)	310,000,000	310,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	1,997,318,320	1,955,230,628
Trade Union's expenditure	204,116,225	132,625,725
Social insurance, health insurance and unemployment insurance premiums	169,417,600	-
Short-term deposits received	1,580,000,000	1,780,000,000
Other short-term payables	43,784,495	42,604,903
Total	2,307,318,320	2,265,230,628

^(*) This represents the payable for the 2023 dividends of 3,100,000 TTP shares which have not been transferred the ownership to the Parent Company (Note V.4). This dividend will be recorded as a deduction in the investment value in TTP when TTVN completes the transfer of the share ownership to the Parent Company.

The Group has no other overdue payables.

16. Borrowings**16a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Short-term loans from other organizations</i>	34,697,520,000	34,817,640,000
B.Grimm Renewable Power 2 Limited ⁽ⁱ⁾	34,697,520,000	34,817,640,000
<i>Short-term loans from banks</i>	565,593,514	-
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank ⁽ⁱⁱ⁾	565,593,514	-
<i>Current portions of long-term loans (See Note V.16b)</i>	38,870,000,000	52,077,198,154
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	870,000,000	870,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ha Nam Branch	-	10,222,821,096
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade	38,000,000,000	40,984,377,058
Total	74,133,113,514	86,894,838,154

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

- (i) Truong Thanh Energy JSC. (a subsidiary) receives a loan from B.Grimm Renewable Power 2 Limited, under Loan Agreement dated 1 July 2020 in exchange for 3,062,400 shares of Phu Yen TTP JSC. Total loan amount is USD 1,320,000, with a loan term of 1 year starting from the debt receipt date. The loan was due on 1 July 2021, however, the parties has not completed extension procedures and has not transferred the ownership of Phu Yen TTP's shares. The loan interest rate in 2026 is 5.5% per annum (in 2025: 5.5% per annum).
- (ii) The loan was granted under a credit facility agreement dated 2 June 2026, with the limit valid for 12 months from the date the agreement came into effect, for the purpose of supplementing working capital to cover the Company's staff salaries. The credit limit agreement is guaranteed by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party).

The Group has solvency to repay short-term borrowings.

Details of increases/ (decreases) in short-term borrowings during the period are as follows:

	Short-term borrowings loans other organizations	Short-term loans from banks	Current portions of long- term loans	Total
Beginning balance	34,817,640,000	-	52,077,198,154	86,894,838,154
Amount of loans incurred during the period	-	565,593,514	-	565,593,514
Decrease due to divestment in a subsidiary	-	-	(10,222,821,096)	(10,222,821,096)
Transfer from long-term loans	-	-	12,858,229,986	12,858,229,986
Differences due to revaluation of ending balance	(120,120,000)	-	-	(120,120,000)
Amount of loan repaid	-	-	(15,842,607,044)	(15,842,607,044)
Ending balance	34,697,520,000	565,593,514	38,870,000,000	74,133,113,514

16b. Long-term borrowings

	Ending balance	Beginning balance
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ⁽ⁱ⁾	163,363,872,842	163,937,508,233
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ha Nam Branch	-	8,445,726,327
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Tay Ho Branch ⁽ⁱⁱ⁾	1,612,000,000	2,047,000,000
Total	164,975,872,842	174,430,234,560

- (i) Onsen Hoi Van Limited Liability Company (the subsidiary) borrows from Vietinbank under Credit Agreement dated 9 August 2024, with the loan limit of VND 350 billion. The term for maintaining the limit is 60 months starting from the date after the first disbursement date. The Company is not required to repay the loan principal in 18 months starting from the first disbursement date but not later than 31 December 2025. The preferential interest rate for 12 months starting from the date after the first disbursement date is 8.6% per annum. The interest rate for the current period ranges from 9.9% to 14% per annum. The purpose is to pay for investment costs of Hoi Van Hot Resort Project. The collateral is all rights and benefits attached to or arising from this project; and land use right in Kieu Ky Commune, Gia Lam District, Hanoi City owned by Quang Anh Vina Investment Company Limited.
- (ii) These represent loans from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Tay Ho Branch, under Credit Agreements dated 12 December 2022 and 9 June 2023, for the purpose of purchasing cars to support production and business operations. The loan amounts and terms are VND 3,700,000,000 over 84 months and VND 1,700,000,000 over 60 months, respectively. The interest rates are 9.9% and 8.5% per annum, respectively, for the first 12 months from the date of disbursement; thereafter, the lending rate shall be equal to the bank's 12-month post-maturity VND personal savings rate plus a margin of 3.5% per annum, subject to adjustment every 6 months. Loans are secured by assets financed by the loan.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The Group has solvency to repay long-term borrowings.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Within 1 year	38,870,000,000	52,077,198,154
Over 1 year to 5 years	164,975,872,842	174,430,234,560
Total	203,845,872,842	226,507,432,714

Details of increases/ (decreases) in long-term borrowings during the period are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	174,430,234,560	152,029,875,792
Amount of loans incurred	8,441,987,551	21,105,308,608
Increase due to consolidation of subsidiaries	-	18,668,547,399
Decrease due to divestment in a subsidiary	(5,038,119,283)	-
Transfer to short-term loans	(12,858,229,986)	(22,568,229,000)
Ending balance	164,975,872,842	169,235,502,799

The Group has no overdue borrowings.

17. Deferred income tax**17a. Deferred income tax assets**

Deferred income tax assets relate to temporarily deductible differences upon business combinations.

Details of increases/ (decreases) during the period are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	372,164,344	154,386,566
Recognized in operating results	101,333,333	124,444,444
Ending balance	473,497,677	278,831,010

17b. Deferred income tax liabilities

Deferred income tax liabilities relate to taxable temporary differences arising from the reversal of provisions at subsidiaries and associates upon business combinations. Details of increases/ (decreases) are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	898,671,463	1,077,738,493
Recognized in operating results	(247,609,342)	(126,669,057)
Ending balance	651,062,121	951,069,436

17c. Deferred income tax expenses

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Deferred income tax expenses arising from temporarily taxable differences	(247,609,342)	(126,669,057)
Deferred income tax income arising from temporarily deductible differences	(101,333,333)	(124,444,444)
Total	(348,942,675)	(251,113,501)

The CIT rate used to determine the value of deferred income tax liabilities is 20% (previous year: 20%).

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

18. Owners' equity

18a. Statement of changes in owners' equity

	Owners' contribution capital	Capital surplus	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Beginning balance of the previous year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	112,957,091,011	153,590,313,340	1,478,080,569,590
Shareholders of subsidiaries contributing capital in cash	-	-	-	2,401,000,000	2,401,000,000
Profit of the period	-	-	3,762,649,105	2,102,633,831	5,865,282,936
Changes in the proportion of ownership interest in subsidiaries	-	-	2,709,597,459	14,404,495,682	17,114,093,141
Increase due to business combination	-	-	-	26,972,619,498	26,972,619,498
Ending balance of the previous period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	119,429,337,575	199,471,062,351	1,530,433,565,165
Beginning balance of the current year	1,208,065,620,000	3,467,545,239	126,767,016,513	149,647,125,601	1,487,947,307,353
Profit of the current period	-	-	8,214,653,776	1,269,189,858	9,483,843,634
Decrease due to divestment in subsidiaries	-	-	-	(30,446,852,811)	(30,446,852,811)
Ending balance of the current period	1,208,065,620,000	3,467,545,239	134,981,670,289	120,469,462,648	1,466,984,298,176

18b. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	120,806,562	120,806,562
Number of ordinary shares already issued	120,806,562	120,806,562
Number of outstanding ordinary shares	120,806,562	120,806,562

Face value per outstanding share: VND 10,000.

19. Off-Interim Consolidated Statement of Financial Position items

19a. Leased assets

The total future minimum lease payments under irrevocable operating leases, by term, are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Within 1 year	806,353,920	787,968,000
Over 1 year to 5 years	3,418,467,840	3,377,756,160
Over 5 years	2,310,584,400	2,763,666,000
Total	6,535,406,160	6,929,390,160

The operating lease payments above represent office rental at the Sun Grand City Ancora Residence building (located at No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung, Hanoi), which the Parent Company has leased under an operating lease. The leased area is 180 m² with a lease term of 10 years from 1 January 2024. The rent is as follows:

Year	Rental rate (VND/m ² /month)	Management service fees (VND/m ² /month)
From 2024 to the end of 2026	243,200	121,600
From 2027 to the end of 2028	260,224	121,600
From 2029 to the end of 2030	278,464	121,600
From 2031 to the end of 2032	297,920	121,600
Year 2033	318,835	121,600

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**19b. Assets received as pledges and mortgages**

The Group's assets received as pledges, mortgages and guarantees relating to loans, receivables, transfer of shares and business cooperation contracts are set out in the relevant Notes, including:

Form of security	Obligations secured	Reference
Pledge/mortgage of shares	Loans and receivables arising from the transfer of shares	Notes V.2a, V.3
Guarantee provided by Truong Thanh Viet Nam Group JSC. (a related party)	Loans and investment cooperation	Notes V.2a, V.2c

19c. Pledged and mortgaged assets

	Carrying value		Term of pledge or mortgage	Pledgee or mortgagee
	Ending balance	Beginning balance		
Inventories (See Note V.6)	110,724,786,958	105,229,533,721	60 months	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
Other current assets (see Note V.8)	2,113,391,096	2,112,686,301	12 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Tangible fixed assets (see Note V.9)	5,378,447,527	5,786,372,797	60 months – 84 months	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
Construction-in-progress costs (see Note V.10)	202,978,064,009	193,222,240,797	60 months	Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
Total	321,194,689,590	306,350,833,616		

19d. Foreign currencies

At the end of the accounting period, the Group's cash and cash equivalents amounted to USD 86.80 (beginning balance: USD 86.80).

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Revenue from sales of commercial electricity	5,957,362,605	8,128,852,676
Revenue from rendering of services for consultancy, operation and maintenance of power plants	13,267,728,298	16,756,389,092
Total	19,225,090,903	24,885,241,768

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Sales of merchandise and rendering of services to related parties are set out in Note VIII.1b.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**2. Costs of sales**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Costs of sales of commercial electricity	3,768,086,360	4,412,162,626
Costs of services for consultancy, operation and maintenance of power plants	9,014,786,138	11,549,797,246
Total	12,782,872,498	15,961,959,872

3. Financial income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Interests from loans and bank deposits	8,943,654,475	8,874,851,884
Gain on transfer of a subsidiary (See Note I.5a)	3,299,348,318	-
Gain on transfer of an associate (See Note V.2b)	5,188,932,976	-
Dividends received	-	1,299,999,740
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	48,079,013	143,220
Total	17,480,014,782	10,174,994,844

4. Financial expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Borrowing costs	1,598,757,895	3,120,592,251
Exchange loss due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	-	1,315,951,905
Provisions for impairment of investments	-	2,348,173,355
Total	1,598,757,895	6,784,717,511

5. General and administration expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	4,666,806,401	5,684,402,911
Materials and office supplies	196,941,619	107,774,136
Depreciation/amortization of fixed assets	422,912,839	407,925,267
Taxes, fees and legal fees	89,286,899	45,000,000
Allocation of goodwill	-	1,646,996,899
Expenses for external services	1,332,504,242	1,262,202,502
Other expenses	1,904,480,170	925,381,191
Total	8,612,932,170	10,079,682,906

6. Other income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Gain on bargain purchase of a subsidiary	-	5,190,421,728
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	280,909,091	-
Other income	-	106
Total	280,909,091	5,190,421,834

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**7. Earnings per share ("EPS")****7a. Basic/diluted EPS**

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company's shareholders	8,214,653,776	3,762,649,105
Increases/ (decreases) in accounting profit used to determine profit distributed to ordinary equity holders:	-	-
Profit used to calculate basic/diluted EPS	8,214,653,776	3,762,649,105
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	120,806,562	120,806,562
Basic/diluted EPS	68	31

7b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the end of the accounting period to the disclosure date of these Interim Consolidated Financial Statements.

8. Operating costs by factors

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	137,412,879	9,748,194
Labor costs	4,666,806,401	7,062,840,303
Depreciation/amortization of fixed assets	2,413,335,354	2,796,432,285
Allocation of goodwill	-	1,646,996,899
Expenses for external services	12,098,179,225	13,644,878,375
Other expenses	2,080,070,809	1,083,197,527
Total	21,395,804,668	26,244,093,583

VII. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

- Cash and cash equivalents held by the Group that are not restricted on their use**
Cash and cash equivalents subject to restrictions on use are presented under the item "Other current assets" (see Note V.8).
- Non-cash transactions**
During the period, the Group converted a receivable arising from the transfer of shares in Truong Thanh Land Group JSC. into a loan, amounting to VND 33,500,000,000 (see Note V.2a).

VIII. OTHER DISCLOSURES

- Transactions and balances with the related parties**
The related parties of the Group include: the key management personnel, their related individuals and other related parties.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**1a. Transactions and balances with the key management personnel and their related individuals**

The key management personnel include the members of the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS"), the Executive Officers (the Board of Management ("BOM") and the Chief Accountant). The key management personnel's related individuals are their close family members.

Significant transactions with the key management personnel and their related individuals during the period are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Receipts for cash payments for progress under real estate transfer contract of:		
Ms. Dang Thi Phuong Hoa (a related party of the Chairman)	1,945,275,198	-
Mr. Dang Tran Quyet (a related party of the Chairman)	1,690,610,487	-
Mr. Mac Quang Huy (BOD Member)	436,746,837	-
Ms. Dao Thi Hong (a related party of the BOD Member)	1,539,964,611	-
Other transactions with Ms. Dang Thi Phuong Hoa:		
Recovery of advances	2,856,000	-
Loan given	3,550,000,000	-
Recovery of loan given	3,945,000,000	-
Loan interest receivable	732,756,164	813,260,274

Outstanding balances with the key management personnel and their related individuals are disclosed in Notes V.2a, V.5a and V.12.

Compensation of the key management personnel

	<u>Position</u>	<u>Salary</u>	<u>Remuneration</u>	<u>Total compensation</u>
Current period				
Mr. Dang Trung Kien	BOD Chairman	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman cum	-	18,000,000	18,000,000
	Independent BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	Independent BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Dang Bich Thuy	Head of BOS	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Le Thuy Linh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Ms. Vuong Thi Oanh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	591,174,000	-	591,174,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	241,200,000	-	241,200,000
Total		832,374,000	156,000,000	988,374,000
Previous period				
Mr. Dang Trung Kien	BOD Chairman	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Tran Tuan Phong	Vice Chairman	-	18,000,000	18,000,000

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Position	Salary	Remuneration	Total compensation
Mr. Hoang Manh Huy	BOD Member cum General Director	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Le Dinh Ngoc	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Akahane Seiji	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Hoang Dinh Loi	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Ms. Dao Thi Thanh Hien	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Mac Quang Huy	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Ha Ngoc Minh	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Nguyen Anh Tuan	BOD Member	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Dao Xuan Duc	Head of BOS	-	18,000,000	18,000,000
Mr. Pham Duy Hoan	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Ms. Tran Thi Hanh	BOS Member	-	6,000,000	6,000,000
Mr. Nguyen Huy Thang	Deputy General Director	345,600,000	-	345,600,000
Ms. Nguyen Thi Hoa Vy	Chief Accountant	208,200,000	-	208,200,000
Total		553,800,000	210,000,000	763,800,000

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Dong Hai Wind Power JSC.	Associate
108 Truong Thanh Construction Investment JSC.	Associate (until 30 June 2026)
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	Major shareholder
Truong Thanh Green Technology JSC.	Entity with the same key management personnel
Quang Phu Energy JSC.	Entity with the same key management personnel
Truong Thanh Viet Nam Industry JSC.	Major shareholder/Related party of the key management personnel
Truong Thanh Dai Phat JSC.	Related party of the key management personnel
Phu Yen TTP JSC.	Entity with the same key management personnel
Truong Thanh Land Group JSC.	Entity with the same key management personnel
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	The Group is a major shareholder (holding 15%)
Mr. Le Hoang Bao	BOM Member of Onsen Hoi Van Limited Liability Company

Transactions with other related parties

Significant transactions between the Group and other related parties are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Revenue from rendering of services to related parties:		-
Phu Yen TTP JSC.	11,781,818,182	12,956,389,092
Truong Thanh Land Group JSC.	-	3,800,000,000
Dong Hai Wind Power JSC.	463,632,216	-
Truong Thanh Duyen Hai Wind Power JSC.	1,022,277,900	-
Use of construction and installation services and repair services rendered by related parties:		
Truong Thanh Land Group JSC.	1,710,059,453	26,307,701,950
Transfer of shares from related parties:		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	-	12,764,500,000
Truong Thanh Green Technology JSC.	-	9,231,000,000
Dividends received from:		
Phu Yen TTP JSC.		1,299,999,740

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
<i>Recovery of advances from:</i>		
Mr. Le Hoang Bao	3,553,531,500	
<i>Loans given:</i>		
Truong Thanh Land Group JSC.	51,500,000,000	-
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	37,350,000,000	-
<i>Recovery of loans given:</i>		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	1,250,000,000	-
<i>Loan interest receivable:</i>		
Truong Thanh Land Group JSC.	28,219,178	-
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	239,227,398	-
<i>Borrowings from:</i>		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	-	204,080,500
<i>Borrowing repaid to:</i>		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	-	6,147,000,000
<i>Loan interest payable:</i>		
Truong Thanh Viet Nam Group JSC.	-	616,392,962

Guarantee commitment from other related parties

Truong Thanh Viet Nam Group JSC. has used its legal assets to guarantee the Parent Company's loans at Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank, with the outstanding principal and interest, together with any financial obligations arising from this principal, amounting to a maximum of VND 2 billion (see Note V.16a).

Outstanding balances with other related parties

Outstanding balances with other related parties are presented in Notes V.2, V.3, V.4, V.5, V.12 and V.15.

Apart from receivables secured by collateral or guaranteed as set out in Note V.3, receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The primary reporting format is the business segments based on the internal organizational and management structure as well as the system of internal financial reporting of the Group.

2a. Information on business segments

The Group has the major business segments as follows:

- Trading segment;
- Service segment;
- Electricity generation segment;
- Financial investment segment (loans and investments in other entities);
- Real estate trading segment; and
- Other segments.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The real estate trading segment and other segments did not generate revenue, costs of sales or operating results during the period. Information on business results, fixed assets, other non-current assets and value of significant non-cash expenses of remaining business segments is as follows:

	Service segment	Electricity generation segment	Financial investment segment ^(*)	Total
Current period				
Net external revenue	13,267,728,298	5,957,362,605	17,431,935,769	36,657,026,672
Net inter-segment revenue				-
Total net revenue	13,267,728,298	5,957,362,605	17,431,935,769	36,657,026,672
Segment expenses	(9,014,786,138)	(4,403,797,259)	-	(13,418,583,397)
Segment operating profit	4,252,942,160	1,553,565,346	17,431,935,769	23,238,443,275
Expenses not attributable to segments				(8,612,932,170)
Operating profit				14,625,511,105
Other financial income				48,079,013
Other financial expenses				(963,046,996)
Profit/ (loss) in joint ventures, associates				(40,776,403)
Other income				280,909,091
Other expenses				(43,299,137)
Current income tax				(4,772,475,714)
Deferred income tax				348,942,675
Profit after tax				9,483,843,634
Previous period				
Net external revenue	16,756,389,092	8,128,852,676	10,174,851,624	35,060,093,392
Net inter-segment revenue				-
Total net revenue	16,756,389,092	8,128,852,676	10,174,851,624	35,060,093,392
Segment expenses	(11,549,797,246)	(4,412,162,626)	(5,468,765,606)	(21,430,725,478)
Segment operating profit	5,206,591,846	3,716,690,050	4,706,086,018	13,629,367,914
Expenses not attributable to segments				(10,084,914,387)
Operating profit				3,544,453,527
Other financial income				143,220
Other financial expenses				(1,315,951,905)
Profit/ (loss) in joint ventures, associates				(37,491,701)
Other income				5,190,421,834
Other expenses				(598,558,789)
Current income tax				(1,168,846,751)
Deferred income tax				251,113,501
Profit after tax				5,865,282,936

(*) For the financial investment segment, income comprises dividends received, gains on the disposal of investments, accrued interest income of term deposits and interest on loans. Direct costs comprise losses on disposal of investments and provisions for impairment of investments.

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The Group's assets and liabilities by business segments are as follows:

	Service segment	Electricity generation segment (*)	Financial investment sector (**)	Real estate trading segment	Other segments	Total
Ending balance						
Segment assets	5,194,323,717	-	1,317,135,894,931	427,205,851,820	6,766,764,412	1,756,302,834,880
Unallocated assets						92,219,164,089
Total assets						1,848,521,998,969
Segment liabilities	1,865,921,000	-	-	316,258,108,872		318,124,029,872
Unallocated liabilities						63,413,670,921
Total liabilities						381,537,700,793
Beginning balance						
Segment assets	2,844,872,727	122,650,382,829	1,230,562,679,666	384,567,201,915	53,301,177,176	1,793,926,314,313
Unallocated assets						36,701,927,839
Total assets						1,830,628,242,152
Segment liabilities	2,501,203,111	18,984,972,060	-	259,498,022,656	-	280,984,197,827
Unallocated liabilities						61,696,736,972
Total liabilities						342,680,934,799

(*) During the period, the Group divested its entire equity interest in Green Lotus Solar Electric JSC. and Truong Thanh Mien Trung Green Technology JSC. (see Note I.5a). Consequently, at the end of the accounting period, the Group no longer held any assets or liabilities relating to the electricity generation segment.

(**) For the financial investment segment, segment assets comprise term deposits; loans; receivables arising from the liquidation of investments, interest receivable on deposits, dividends and profits distributed; and investments in associates and other entities. Segment liabilities comprise payables arising from the purchase of shares or investments.

2b. Information on geographical segments

All operations of the Group only take place in the Vietnamese territory.

3. Comparative figures

Comparative figures are presented in accordance with the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 1 January 2025 to 30 June 2025 and the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025, which were reviewed and audited, respectively.

Certain figures have been adjusted and restated due to: (i) the application of the provisions of Circular 99 and Circular 43 relating to the presentation of Financial Statements (see Note III.1); and (ii) the retrospective adjustment of the 2025 figures due to the addition of provisions for impairment of investments and the related corporate income tax implications. Details are as follows:

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANYAddress: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Code	Figures before adjustment	Adjustments	Adjusted figures	Notes
<i>Interim Consolidated Statement of Financial Position</i>					
Cash equivalents	112	4,850,000,000	(2,100,000,000)	2,750,000,000	(i)
Short-term held-to-maturity investments	123	2,084,000,000	187,818,330,752	189,902,330,752	(ii), (iii)
Loans		165,570,000,000	(165,570,000,000)	-	(ii)
Other short-term receivables	135	113,171,148,115	(22,261,017,053)	90,910,131,062	(iii), (iv)
Other current assets	165	-	2,112,686,301	2,112,686,301	(i), (iv)
Other long-term receivables	215	75,401,450,000	(45,000,000,000)	30,401,450,000	(v)
Investments in other entities	263	429,560,605,901	45,000,000,000	474,560,605,901	(v)
Provisions for impairment of long-term investments in other entities	264	(9,587,400,442)	(16,389,993,579)	(25,977,394,021)	(vi)
Taxes and other short-term payables to the State Budget	314	6,753,167,434	(1,535,468,594)	5,217,698,840	(vii)
Retained earnings	420	141,621,541,498	(14,854,524,985)	126,767,016,513	(vi), (vii)

- (i) Restating the 3-month term deposit subject to restrictions on use from the item "Cash equivalents" to the item "Other current assets".
- (ii) Restating the loan principal receivable from the item "Loans" to the item "Held-to-maturity investments".
- (iii) Restating the accrued interest income on loans from the item "Other short-term receivables" to the item "Held-to-maturity investments", amounting to VND 22,248,330,752.
- (iv) Restating accrued interest income of 3-month term deposit subject to restrictions on use from the item "Other short-term receivables" to the item "Other current assets", amounting to VND 12,686,301.
- (v) Restating BCC without joint control, enjoying profit based on operating results, from the item "Other long-term receivables" to the item "Investments in other entities".
- (vi) Making an additional provision for impairment of investments in Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC. as at 31 December 2025. ^(*)
- (vii) Adjusting the CIT payable and retained earnings due to the impact of the additional provision referred to in (vi) ^(*).

^(*) On 27 April 2026, after the Group's 2025 Consolidated Financial Statements had been published, the Group received the audited 2025 Financial Statements of Truong Thanh Tra Vinh Wind Power JSC. and Huong Hoa Holding JSC., which showed that these companies had incurred losses in the year 2025. As this information had a material impact on the determination of the provision for impairment of investments as at 31 December 2025, the Group made retrospective adjustments to the 2025 figures in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 29 – "Changes in Accounting Policies, Accounting Estimates and Errors".

TRUONG THANH ENERGY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: 4th Floor, Sun Grand City Ancora Residence Building, No. 03 Luong Yen, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the accounting period from 1 January 2026 to 30 June 2026

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

4. Significant accounting estimates and assumptions

The preparation of the Interim Consolidated Financial Statements in compliance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements applicable to the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements requires the Executive Officers to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets and liabilities and the disclosure of contingent liabilities and contingent assets at the end of the accounting period, as well as the reported amounts of revenue and expenses during the period. Actual results may differ from these estimates and assumptions.

The estimates and assumptions that have a material effect on the Interim Consolidated Financial Statements include:

- Allowance for doubtful debts (Notes V.3 and V.5)
- Provisions for impairment of loans (Note V.2a)
- Provisions for impairment of investments in other entities (Note V.2c)

The above estimates and assumptions are made by the Executive Officers based on the best information and experience currently available and are reviewed and reassessed at each reporting date. At the end of the accounting period, based on its assessment of the uncertainties associated with these estimates and assumptions, the Executive Officers have determined that there are no material matters requiring additional disclosure regarding the potential effects, the likelihood of different outcomes, or the measures expected to be taken in the subsequent accounting period.

There have been no material changes in the bases and methods used in determining accounting estimates compared with those applied in the preparation of the most recent annual Financial Statements or the Interim Consolidated Financial Statements for the corresponding period of the previous year.

5. Subsequent events

On 8 July 2026, the Parent Company's Board of Directors issued Resolution No. 13/2026/NQ-HDQT regarding the capital contributed to establish Truong Thanh Castrol Gogoro Mobility Joint Stock Company in Ho Chi Minh City, Vietnam, with a charter capital of VND 25 billion (corresponding to 2,500,000 shares, with a face value of VND 10,000 per share). Among these, the Group plans to contribute VND 20 billion, including VND 15 billion of the Parent Company, representing 60% of the charter capital; VND 5 billion of Truong Thanh Energy JSC., representing 20% of the charter capital.

Apart from the event mentioned above, from the end of the accounting period to the date of approval on the Interim Consolidated Financial Statements, there have been no material events arising, which need to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Interim Consolidated Financial Statements.

Approved on 28 August 2026

By authorization of the legal representative
General Director

Prepared by

Chief Accountant



Bui Thanh Thanh Hien



Nguyen Thi Hoa Vy



Hoàng Mạnh Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

Số: 92/2026/CV-TEG

V/v: Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên BCTC
Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng nhất!

Bằng công văn này, chúng tôi xin giải trình với Quý Cơ quan về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group trên BCTC hợp nhất, như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	Tăng/Giảm	Tỷ lệ % Tăng/giảm
1	Doanh thu hoạt động tài chính	17.480.014.782	10.174.994.844	7.305.019.938	71,79%
2	Chi phí tài chính	1.598.757.895	6.784.717.511	(5.185.959.616)	(76,44)%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.483.843.634	5.865.282.936	3.618.560.698	61,69%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng 3.618.560.698 đồng, tương ứng tăng 61,69% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là do: phát sinh lãi từ giao dịch thanh lý các khoản đầu tư làm tăng Doanh thu hoạt động tài chính và giảm Chi phí tài chính (hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư) so với cùng kỳ năm 2025 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thay đổi như trên.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://tteg.vn/vn>

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Phòng kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP
HOÀNG MẠNH HUY

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 92/2026/CV-TEG

*Report: Explanation of the difference in profit after
tax on the Consolidated Financial Statements for
the first six months of 2026 compared to the same
period in 2025*

Hanoi, 28 August 2026

To: - STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (stock code: TEG) would like to send our best regards to the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange!

By this official letter, we would like to explain to the Authority about the change in Profit after Corporate Income Tax for the first six months of 2026 compared to the same period in 2025 of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company on the consolidated financial statements as follows:

Unit: VND

No.	Items	First six months of 2026	First six months of 2025	Increase/ decrease	Percentage % Increase/decrease
1	Financial income	17,480,014,782	10,174,994,844	7,305,019,938	71.79%
2	Financial expenses	1,598,757,895	6,784,717,511	(5,185,959,616)	(76.44)%
3	Profit after tax	9,483,843,634	5,865,282,936	3,618,560,698	61.69%

The profit after tax for the first six months of 2026 increased by VND 3,618,560,698 representing a 61.69% increase compared to the same period in 2025. The main reason is that: gains on the disposal of investments increased financial income and reduced financial expenses (due to the reversal of provision for impairment of investments) compared to the same period of 2025, which led to the change in profit after tax.

The above explanation of the primary reasons for the difference in Profit after tax on the consolidated financial statements for the first six months of 2026 compared to the same period in 2025 of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company.

We would like to commit that the information published above is accurate and fully responsible before the law for the content of the published information.

Website address for posting all financial statements: <https://tteg.vn/vn>

Thank you very much!

Recipient:

- As above
- Save: Accounting department

TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY



HOANG MANH HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 93./2026/CV-TEG

V/v: Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước - sau kiểm toán và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng nhất!

Bằng công văn này, chúng tôi xin giải trình với Quý Cơ quan về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group, như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	BCTC HN kiểm toán	BCTC HN tự lập	Tăng/Giảm	Tỷ lệ % Tăng/giảm
1	Doanh thu hoạt động tài chính	17.480.014.782	19.811.821.582	(2.331.806.800)	(11,77)%
2	Chi phí tài chính	1.598.757.895	17.988.751.474	(16.389.993.579)	(91,11)%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.483.843.634	(2.793.999.658)	12.277.843.292	NA

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất kiểm toán tăng 12.277.843.292 VND so với BCTC Hợp nhất đơn vị tự lập. Nguyên nhân chủ yếu là do: Kiểm toán viên hồi tố một số bút toán trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư về thời điểm cuối năm 2025, đồng thời điều chỉnh tăng giá vốn thanh lý công ty con so với số liệu do Công ty tự xác định dẫn đến Lợi nhuận sau thuế thay đổi như trên.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 và điều chỉnh hồi tố số liệu đầu kỳ trên BCTC Hợp nhất sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://tteg.vn/vn>

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Phòng kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH
ENERGY GROUP
P. HÀ NỘI
HOÀNG MẠNH HUY

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 93/2026/CV-TEG

*Report: Explanation of the difference in profit after tax
for the first six months of 2026 on the Consolidated
Financial Statements before - after audit and
retrospective adjustment to the opening figures*

Hanoi, 28 August 2026

To: - STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (stock code: TEG) would like to send our best regards to the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange!

By this official letter, we would like to explain to the Authority about the change in Profit after Corporate Income Tax for the first six months of 2026 after the Audit in the consolidated financial statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company. as follows:

Unit: VND

No.	Items	After Audit	Before Audit	Increase /decrease	Percentage % Increase/decrease
1	Financial income	17,480,014,782	19,811,821,582	(2,331,806,800)	(11.77)%
2	Financial expenses	1,598,757,895	17,988,751,474	(16,389,993,579)	(91.11)%
3	Profit after tax	9,483,843,634	(2,793,999,658)	12,277,843,292	NA

The profit after tax for the first six months of 2026 on the audited consolidated financial statements increased by VND 12,277,843,292 compared to the self-made consolidated financial statements. The main reason is that: the auditors retrospectively adjusted certain entries relating to provisions for impairment of investments as at the end of 2025 and also adjusted the cost of disposal of a subsidiary upward compared to the amount determined by the Company. which led to the change in profit after tax.

The above explanation of the difference in Profit after tax for the first six months of 2026 after the Audit and and retrospective adjustment to the opening figures in the consolidated financial statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company.

We would like to commit that the information published above is accurate and fully responsible before the law for the content of the published information.

Website address for posting all financial statements: <https://tteg.vn/vn>

Thank you very much!

Recipient:

- As above
- Save: Accounting department

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

GENERAL DIRECTOR

HOANG MANH HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14/2026/CV-TEG

V/v: Giải trình thay đổi từ lỗ thành lãi kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước và sau kiểm toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group (mã chứng khoán TEG) xin gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh lời chào trân trọng nhất!

Bằng công văn này, chúng tôi xin giải trình với Quý Cơ quan về sự thay đổi từ lỗ thành lãi kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group. như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	BCTC HN kiểm toán	BCTC HN tự lập	Tăng/Giảm
1	Chi phí tài chính	1.598.757.895	17.988.751.474	(16.389.993.579)
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.669.766.719	(302.953.392)	
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.907.376.673	(65.343.438)	
4	Lợi nhuận sau thuế	9.483.843.634	(2.793.999.658)	

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất kiểm toán có lãi, thay đổi so với kết quả lỗ trên BCTC Hợp nhất đơn vị tự lập. Nguyên nhân chủ yếu là do Kiểm toán viên hồi tố một số bút toán trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư về thời điểm cuối năm 2025, làm Chi phí tài chính giảm dẫn sự thay đổi như trên.

Trên đây là nội dung giải trình về thay đổi từ lỗ thành lãi kết quả 6 tháng đầu năm 2026 trên BCTC Hợp nhất trước và sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Trường Thành Energy Group.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <https://tteg.vn/vn>

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Phòng kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THÀNH ENERGY GROUP

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG MẠNH HUY

**TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No: 94./2026/CV-TEG

*Report: Explanation of the Change from Loss to Profit in
the First Six Months of 2026 between the Consolidated
Financial Statements Before and After Audit*

Hanoi, 28. August 2026

To: - STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company (stock code: TEG) would like to send our best regards to the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange!

By this official letter, we would like to explain to the Authority about the change from a loss to a profit in the business results for the first six months of 2026 after the Audit in the consolidated financial statements of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company, as follows:

Unit: VND

No.	Items	After Audit	Before Audit	Increase /decrease
1	Financial expenses	1,598,757,895	17,988,751,474	(16,389,993,579)
2	Net operating profit	13,669,766,719	(302,953,392)	
3	Total accounting profit before tax	13,907,376,673	(65,343,438)	
4	Profit after tax	9,483,843,634	(2,793,999,658)	

The consolidated financial statements for the first six months of 2026, as audited, reported a profit, representing a change from the loss reported in the Company's self-made consolidated financial statements. The main reason is that: the auditors retrospectively adjusted certain entries relating to provisions for impairment of investments as at the end of 2025, resulting in a decrease in financial expenses. which led to the change.

The above explanation for the change from a loss to a profit in the business results for the first six months of 2026 between the Company's consolidated financial statements before and after the audit of Truong Thanh Energy Group Joint Stock Company.

We would like to commit that the information published above is accurate and fully responsible before the law for the content of the published information.

Website address for posting all financial statements: <https://tteg.vn/vn>

Thank you very much!

Recipient:

- As above
- Save: Accounting department

TRUONG THANH ENERGY GROUP
JOINT STOCK COMPANY
GENERAL DIRECTOR



HOANG MANH HUY